

# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 01/2025)



## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

### ĐIỂM TIN

8. Xây dựng TCVN về sản phẩm rau quả, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu bền vững
9. Yêu cầu của ISO 14064-1:2018 về quản lý phát thải khí nhà kính
10. ISO13065 – Thúc đẩy sản xuất, sử dụng năng lượng sinh học bền vững
11. 5 bước áp dụng tiêu chuẩn về quản lý thay đổi
12. Vai trò của tiêu chuẩn trong kiểm soát khí thải công nghiệp
13. Vai trò của các tổ chức tiêu chuẩn trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
14. Doanh nghiệp cần lưu ý gì với QCVN 05:2023/BTNMT về chất lượng không khí
15. Thị trường xuất khẩu tôm: Cơ hội và thách thức tuân thủ tiêu chuẩn Quốc tế
17. Bước chuyển mình của nông sản Việt: Chìa khóa chinh phục thị trường Quốc tế
18. ISO 22336 – Tiêu chuẩn mới về khả năng phục hồi tổ chức
19. Áp dụng tiêu chuẩn an ninh đầu tiên trên thế giới
20. Sửa đổi tiêu chuẩn an toàn cho máy giặt và lò vi sóng, tránh xa tầm với của trẻ nhỏ
21. Tiêu chí đánh giá truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo tiêu chuẩn
23. Các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản của thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức internet theo quy chuẩn
24. Dự thảo tiêu chuẩn về phân hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng và nhà
25. Lấy ý kiến dự thảo QCVN về kỹ thuật điện – hệ thống lưới điện
26. Bộ xây dựng chỉ định tổ chức chứng nhận/thử nghiệm đối với Quatest 2 và Quatest 3
28. Cơ sở bảo dưỡng xe cơ giới phải “đăng kiểm” theo QCVN 121: 2024/BGTVT

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

25. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 01/2025



**❖ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Ngày 08/01/2025 Bộ GTVT ban hành Thông tư số 02/2025/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa.**



Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa. Mã số đăng ký: QCVN 72:2025/BGTVT.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Thông tư bãi bỏ các quy định sau: Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 36/2016/TT-BGTVT ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm giám sát kỹ thuật và đóng phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa (Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT). Thông tư số 39/2018/TT-BGTVT ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa (Sửa đổi 2:2018 QCVN 72:2013/BGTVT./).

**Ngày 23/01/2025 Bộ GTVT ban hành Thông tư số 05/2025/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống đẩy bằng động cơ điện lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa.**

Theo đó, Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống đẩy bằng động cơ điện lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa. Mã số đăng ký: QCVN 126:2025/BGTVT

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với thiết kế, lắp đặt và khai thác hệ thống điện sử dụng đẩy tàu bằng điện hoặc hệ thống đẩy hỗn hợp (sau đây gọi tắt là “Hệ thống đẩy bằng động cơ điện”) được lắp đặt trên các phương tiện thủy nội địa thuộc đối tượng của QCVN 25:2015/BGTVT (sau đây gọi tắt là “Phương tiện”).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025./.

**❖ BỘ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG**

**Ngày 31/12/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Thông tư số 22/2024/TT-BTTTT Sửa đổi 1:2024 QCVN 126:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G.**

Ký hiệu Sửa đổi 1:2024 QCVN 126:2021/BTTTT.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026./.

**Ngày 31/12/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 20/2024/TT-BTTTT Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA-Phần truy nhập vô tuyến” (Mã ký hiệu: QCVN 133:2024/BTTTT).**

Quy chuẩn này quy định đặc tính kỹ thuật và phương pháp đo đối với các loại thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA.

Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA phải đáp ứng hoạt động trong toàn bộ hoặc một phần bất kỳ băng tần quy định trong Bảng 1 và tuân thủ theo thông tư quy hoạch băng tần của Việt Nam.



Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và khai thác các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

Căn cứ theo thông tư ban hành số 20/2024/TT-BTTTT lộ trình áp dụng quy chuẩn QCVN 133:2024/BTTTT như sau:

1. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA nhập khẩu và sản xuất trong nước bắt buộc tuân thủ các quy định tại QCVN 133:2024/BTTTT trước khi lưu thông trên thị trường.

2. Kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025, QCVN 133:2024/BTTTT được áp dụng trong thử nghiệm, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

**Ngày 31/12/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 19/2024/TT-BTTTT Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến cầm tay và đeo trên cơ thể người” (Mã ký hiệu: QCVN 134:2024/BTTTT).**

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 134:2024/BTTTT quy định về giới hạn và phương pháp đo mức hấp thụ riêng đối với các thiết bị vô tuyến điện có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương lớn hơn 20 mW và

được nhà sản xuất thiết kế có thể sử dụng ở khoảng cách dưới 200 mm với con người.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 134:2024/BTTTT không áp dụng cho thiết bị y tế cấy ghép.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 134:2024/BTTTT áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và khai thác các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật này trên lãnh thổ Việt Nam.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 134:2024/BTTTT có hiệu lực từ ngày 15/02/2025.

Căn cứ theo thông tư ban hành số 19/2024/TT-BTTTT lộ trình áp dụng quy chuẩn QCVN 134:2024/BTTTT như sau:

1. Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026, máy điện thoại di động mặt đất phải tuân thủ QCVN 134:2024/BTTTT trước khi lưu thông trên thị trường.

2. Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2027, các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh QCVN 134:2024/BTTTT phải tuân thủ QCVN 134:2024/BTTTT trước khi lưu thông trên thị trường.

3. Kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025, QCVN 134:2024/BTTTT được áp dụng trong thử nghiệm, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

## **❖ BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

**Ngày 30/12/2024, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 45/2024/TT-BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.**

Theo đó, Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau đây hết hiệu lực thi hành, theo quy định về điều

khoản chuyển tiếp tại Điều 3 và lộ trình áp dụng tại Điều 4 Thông tư này:



a) QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, QCVN 22:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện, QCVN 23:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng (ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường);

b) QCVN 34:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hóa dầu đối với bụi và các chất vô cơ (ban hành kèm theo Thông tư số 42/2010/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường);

c) QCVN 51:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (ban hành kèm theo Thông tư số 78/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường).

Các Bảng quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải trong

các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau đây hết hiệu lực thi hành theo quy định về điều khoản chuyển tiếp tại Điều 3 và lộ trình áp dụng tại Điều 4 Thông tư này:

a) Bảng 1 và Bảng 4 QCVN 41:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng (ban hành kèm theo Thông tư số 44/2011/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường);

b) Bảng 2 QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, Bảng 2 QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường);

c) Bảng 4 QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải (ban hành kèm theo Thông tư số 57/2013/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường);

d) Bảng 2 QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường).

Trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường thì áp dụng Cột B quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 của QCVN 19:2024/BTNMT.

Các Điều khoản chuyển tiếp:

1. Cơ sở đã đi vào vận hành, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi

trường (sau đây gọi chung là dự án đầu tư đang triển khai) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về khí thải theo loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tương ứng và quy định của chính quyền địa phương (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương về khí thải) cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031.

2. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi hệ số vùng, khu vực (Kv) thì các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên.

Về lộ trình áp dụng:

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, dự án đầu tư (bao gồm: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành) phải áp dụng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện sớm hơn.

3. Khuyến khích các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này áp dụng các quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

## **❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Quyết định công bố Tiêu chuẩn Quốc gia**

*Quyết định số 2969/QĐ-BKHCN (13/11/2024):*

- TCVN 14203:2024, Mẫu tiêu bản côn trùng – Các yêu cầu
- TCVN 14204-1:2024, Phương pháp điều tra trữ lượng rừng trên cạn – Phần 1: Rừng trồng

3. TCVN 14204-2:2024, Phương pháp điều tra trữ lượng rừng trên cạn – Phần 1: Rừng tự nhiên

*Quyết định số 3043/QĐ-BKHCN (22/11/2024):*

- TCVN 12197:2024, An toàn thông tin – Mã hóa có xác thực
- TCVN 14190-1:2024, An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp luận đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 1: Khung
- TCVN 14190-2:2024, An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 2: Hiệu suất nhận dạng sinh trắc học
- TCVN 14190-3:2024, An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 3: Phát hiện tấn công trình diện
- TCVN 14191-1:2024, An toàn thông tin – Biên tập lại dữ liệu xác thực – Phần 1: Yêu cầu chung
- TCVN 14192-1:2024, Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về công cụ kiểm thử và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm thử để sử dụng trong kiểm thử các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô-đun mật mã – Phần 1: Công cụ và kỹ thuật kiểm thử
- TCVN 14192-2:2024, Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về công cụ kiểm thử và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm thử để sử dụng trong kiểm thử các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô-đun mật mã – Phần 2: Phương pháp và phương tiện hiệu chuẩn kiểm thử

*Quyết định số 3265/QĐ-BKHCN (13/12/2024):*

- TCVN 14176-2:2024, Công trình xây dựng – Tổ chức thông tin về công trình xây dựng – Phần 2: Khung phân loại
- TCVN 14177-1:2024, Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 1: Khái niệm và nguyên tắc
- TCVN 14177-2:2024, Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý

thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 2: Giai đoạn chuyển giao tài sản

*Quyết định số 3366/QĐ-BKHCN (24/12/2024):*

1. TCVN 5575:2024, Thiết kế kết cấu thép
2. TCVN 5746:2024, Đất, đá xây dựng – Phân loại
3. TCVN 9401:2024, Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình
4. TCVN 13918-1:2024, Thang nâng xây dựng vận chuyển hàng – Phần 1: Thang nâng với bàn nâng có thể tiếp cận được
5. TCVN 13918-2:2024, Thang nâng xây dựng vận chuyển hàng – Phần 2: Thang nâng nghiêng với thiết bị mang tải không thể tiếp cận được
6. TCVN 13919:2024, Thang nâng xây dựng vận chuyển người và vật liệu bằng cabin với dẫn hướng thẳng đứng

*Quyết định số 3367/QĐ-BKHCN (24/12/2024):*

1. TCVN 5575:2012, Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế
2. TCVN 5746:1993, Đất xây dựng – Phân loại
3. TCVN 9401:2012, Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình

*Quyết định số 3389/QĐ-BKHCN (25/12/2024):*

1. TCVN 14214:2024, Nhà ở và công trình công cộng – Các yêu cầu đối với thông số vi khí hậu trong phòng

*Quyết định số 3480/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14263:2024, Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Thuật toán mã khối MKV

*Quyết định số 3483/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14223-1:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 1: Thiết bị lưu giữ, xếp dỡ và vận chuyển trong nhà máy
2. TCVN 14223-2:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 2: Thiết bị lưu giữ, xếp dỡ và vận chuyển ngoài nhà máy
3. TCVN 14223-3:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 3: Máy cắt kính

4. TCVN 14223-4:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 4: Bàn lật kính

*Quyết định số 3484/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 9311-1:2024, Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình – Phần 1: Các yêu cầu chung

*Quyết định số 3486/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14179:2024, Hệ thống thu phí điện tử – Yêu cầu và biện pháp an toàn thông tin – Công nghệ nhận dạng tần số vô tuyến

*Quyết định số 3491/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14205-1:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá
2. TCVN 14205-2:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 2: Kiểm tra ray bằng dòng điện xoáy
3. TCVN 14205-3:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 3: Yêu cầu để xác định các khuyết tật bên trong và trên bề mặt ray
4. TCVN 14205-4:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 4: Trình độ của nhân sự thử không phá hủy ray
5. TCVN 14205-1:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá

*Quyết định số 3492/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14248:2024, Thiết bị phát tia plasma lạnh dùng trong điều trị vết thương

*Quyết định số 3494/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14264-1:2024, Phúc lợi động vật – Chăn nuôi – Phần 1: Trâu, bò

*Quyết định số 3498/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14212:2024, Móng cần trục tháp – Thiết kế, thi công và nghiệm thu
2. TCVN 14213-1:2024, Tường Barrete – Phần 1: Yêu cầu thiết kế thi công

3. TCVN 14213-2:2024, Tường Barrete – Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu  
*Quyết định số 3511/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14215:2024, Phân bón – Định lượng *Saccharomyces sp.* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc
2. TCVN 14216:2024, Phân bón – Định lượng *Streptomyces spp.* Bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc
3. TCVN 14262:2024, Phân bón – Định lượng *Lactobacillus plantarum/Lactobacillus acidophilus* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và real-time PCR

*Quyết định số 3513/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 14241-1:2024, Giống chó nội – Phần 1: Chó Hông cộc đuôi
2. TCVN 14241-2:2024, Giống chó nội – Phần 2: Chó Sông Mã
3. TCVN 9474:2024, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric
4. TCVN 14243:2024, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng urê và nitơ ammoniac – Phương pháp urease
5. TCVN 14244:2024, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng nitơ nitrat và nitơ nitrit – Phương pháp đo màu

*Quyết định số 3536/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 9994:2024, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi
2. TCVN 11511:2024, Rau đông lạnh nhanh
3. TCVN 14231:2024, Rau muối chua – Các yêu cầu và phương pháp thử
4. TCVN 14232:2024, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với sản phẩm rau quả đóng hộp
5. TCVN 14233:2024, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với quả khô
6. TCVN 14234:2024, Quả khô – Xác định độ ẩm – Phương pháp sấy chân không

*Quyết định số 3538/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 4846:2024, Ngô – Xác định độ ẩm của ngô xay và ngô hạt
2. TCVN 7595:2024, Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc – Xác định ochratoxin A – Phương pháp

sắc ký lỏng hiệu năng cao làm sạch bằng cột ái lực miễn dịch và sử dụng detector huỳnh quang

3. TCVN 14235:2024, Thực phẩm – Xác định gluten thủy phân từng phần trong sản phẩm lên men có nguồn gốc từ ngũ cốc và đậu đỗ – Phương pháp ELISA cạnh tranh R5
4. TCVN 14236:2024, Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm nhiễm asen trong gạo
5. TCVN 14237-1:2024, Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc – Xác định độ ẩm – Phần 1: Phương pháp chuẩn
6. TCVN 14238:2024, Gạo – Đánh giá thời gian hồ hóa của hạt gạo trong khi nấu

#### ❖ **Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn Quốc gia**

*Quyết định số 3485/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 9311-1:2012, Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 1: Yêu cầu chung

*Quyết định số 3512/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 9474:2012, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric

*Quyết định số 3535/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 9994:2013, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi
2. TCVN 11511:2016, Rau đông lạnh nhanh
3. TCVN 13121:2020, Đậu hà lan đông lạnh nhanh

*Quyết định số 3537/QĐ-BKHCN (31/12/2024):*

1. TCVN 9706:2013, Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc - Xác định độ ẩm (Phương pháp chuẩn cơ bản)
2. TCVN 7595-1:2007, Thực phẩm - Xác định ochratoxin A trong ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc - Phần 1: Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao làm sạch bằng silica gel
3. TCVN 7595-2:2007, Thực phẩm - Xác định ochratoxin A trong ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc - Phần 2: Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao làm sạch bằng bicacbonat
4. TCVN 4846-1989, Ngô - Phương pháp xác định hàm lượng ẩm (ngô bột và ngô hạt)/.

## XÂY DỰNG TCVN VỀ SẢN PHẨM RAU QUẢ, THÚC ĐẨY SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU BỀN VỮNG

**Để đạt được mục tiêu về phát triển sản xuất và xuất khẩu bền vững đối với nhóm ngành sản phẩm rau quả, một trong những giải pháp quan trọng hiện nay là nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, trong đó việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN).**



Nhằm hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn về nhóm rau quả, sản phẩm rau quả nói chung và sản phẩm rau quả chế biến nói riêng, đáp ứng việc quản lý về yêu cầu chất lượng và an toàn thực phẩm đối với ngành hàng này, năm 2024 Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia về rau quả và sản phẩm rau quả đã thực hiện biên soạn một số TCVN về sản phẩm rau quả.

Trong đó, tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật đối với một số sản phẩm rau quả chế biến: Rau đông lạnh nhanh, rau muối chua. Các tiêu chuẩn này đưa ra định nghĩa cho sản phẩm, quy định về các dạng sản phẩm, yêu cầu chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm, quy định về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản sản phẩm.

Các sản phẩm rau muối chua như dưa muối, hành muối, kim chi... là nhóm sản phẩm rau lên men, giàu axit hữu cơ, axit amin và các chất dinh dưỡng khác. Sản phẩm được công nhận là có lợi cho sức khỏe con người, là nhóm

sản phẩm rau quả phổ biến tại Việt Nam và trên khắp toàn cầu. Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh chóng nên thiếu sự đồng nhất, không đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm, điều này làm hạn chế rất nhiều đến giao thương quốc tế và việc tiêu thụ sản phẩm rau muối chua. Đối với rau đông lạnh nhanh, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam hiện nay khá đa dạng như cà rốt, ngô hạt, ngô nguyên bắp, khoai lang chiên, đậu Hà Lan... TCVN về rau đông lạnh nhanh chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế CODEX, trong đó đưa ra quy định chung và các quy định chi tiết cho từng sản phẩm rau đông lạnh cụ thể.

Thứ nhất, tiêu chuẩn phương pháp thử về xác định độ ẩm của sản phẩm quả khô: Đây là chỉ tiêu rất quan trọng, liên quan đến giá thành và hạn sử dụng sản phẩm. Việc đưa ra phương pháp thử phù hợp với phương pháp sử dụng tại các thị trường nhập khẩu là rất quan trọng cho việc thích ứng của doanh nghiệp cũng như các phòng thử nghiệm trong nước.

Thứ hai, một số tiêu chuẩn về quy phạm thực hành như thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và thực hành sản xuất tốt (GMP) sẽ giúp các cơ sở trồng trọt, cơ sở sản xuất và chế biến có thể kiểm soát được các mối nguy về vật lý, hóa học và sinh học liên quan đến các công đoạn của quá trình sản xuất, chế biến rau quả tươi, sản phẩm rau quả sấy và đóng hộp, nhằm đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm và nâng cao năng suất, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường, gắn với các mục tiêu phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm rau quả là vô cùng cần thiết. Trong thời gian tới,

cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho một số sản phẩm rau quả chủ lực, nhóm sản phẩm rau quả chế biến sâu. Trong đó, có cơ chế để thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong việc xã hội hóa đối với việc xây dựng TCVN về sản phẩm rau quả. Đồng thời,

cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh về lợi ích, áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đối với nhóm ngành rau quả và sản phẩm rau quả./.

(Nguyễn Nhung)

## YÊU CẦU CỦA ISO 14064-1:2018 VỀ QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

**ISO 14064-1:2018 - tiêu chuẩn quốc tế về quản lý phát thải khí nhà kính chỉ rõ các trách nhiệm doanh nghiệp cần tuân thủ để vừa giảm phát thải vừa đáp ứng các cam kết pháp lý và quốc tế.**



Một trong những yêu cầu cơ bản của ISO 14064-1:2018 là doanh nghiệp phải xác định và công nhận các biên giới tổ chức để xác định phạm vi và nguồn phát thải khí nhà kính.

Điều này bao gồm: Biên giới tổ chức: Xác định các bộ phận, chi nhánh thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp; Phạm vi phát thải: Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp từ hoạt động sản xuất (đốt nhiên liệu, vận hành thiết bị); Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp từ tiêu thụ năng lượng như điện, nhiệt; Phạm vi 3: Phát thải gián tiếp trong chuỗi cung ứng (vận chuyển, xử lý chất thải).

Đồng thời, doanh nghiệp cần thu thập đầy đủ dữ liệu về tiêu thụ năng lượng và các hoạt động có liên quan đến phát thải khí nhà kính, bao gồm: Lượng năng lượng sử dụng: Dữ liệu về điện năng, khí đốt, nhiên liệu và các nguồn năng lượng khác cần được thu thập và theo dõi; Các hoạt động phát thải: Các hoạt động sản

xuất, vận hành và các quá trình kinh doanh có thể phát thải khí nhà kính cần được ghi nhận.

ISO 14064-1:2018 cũng yêu cầu doanh nghiệp sử dụng các hệ số phát thải chuẩn để tính toán lượng khí nhà kính phát thải từ các nguồn đã xác định. Các bước cụ thể bao gồm:

Tính toán phát thải: Sử dụng các hệ số phát thải quốc tế hoặc quốc gia và công thức tính toán để ước tính lượng khí nhà kính phát thải từ các nguồn khác nhau.

Phân tích kết quả: Sau khi tính toán, doanh nghiệp cần phân tích kết quả để hiểu rõ mức độ phát thải và xác định các khu vực có thể cải thiện.

Tiếp theo, doanh nghiệp phải xác định các biện pháp và chiến lược để giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bao gồm: Đầu tư vào năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió; Cải thiện hiệu quả năng lượng thông qua công nghệ mới; Tăng cường quản lý chất thải để giảm phát thải gián tiếp.

ISO 14064-1:2018 cũng yêu cầu doanh nghiệp phải lập và báo cáo phát thải khí nhà kính một cách minh bạch, chính xác và kịp thời. Điều này có thể bao gồm: Báo cáo phát thải định kỳ, thường là hàng năm, gửi đến các cơ quan quản lý; Công khai thông tin phát thải nếu doanh nghiệp tham gia các cam kết quốc tế hoặc thị trường Carbon.

Doanh nghiệp cần tuân thủ quy định pháp lý về phát thải khí nhà kính và các cam kết quốc tế mà quốc gia đã tham gia, đặc biệt đối với các hiệp định về biến đổi khí hậu như Hiệp định Paris. Các yêu cầu này có thể liên quan đến cắt giảm phát thải khí nhà kính hoặc tham gia vào

các hệ thống giao dịch carbon (như thị trường carbon quốc tế hoặc quốc gia).

Mặt khác, doanh nghiệp cần có trách nhiệm tổ chức đào tạo nhân viên về tầm quan trọng của quản lý phát thải khí nhà kính, đồng thời nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu trong cộng đồng doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường trong tổ chức và đảm bảo rằng các biện pháp giảm thiểu phát thải được thực hiện hiệu quả.

Việc tuân thủ quy định về báo cáo khí nhà kính không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn mở ra nhiều cơ hội kinh tế và xã hội: Nâng cao uy tín: Minh bạch trong quản lý phát thải tạo niềm tin với khách hàng và đối tác; Tham gia thị trường Carbon: Doanh nghiệp có thể giao dịch tín chỉ Carbon, tạo nguồn thu mới; Tăng cường hiệu quả hoạt động: Tối ưu hóa quy trình giúp tiết kiệm chi phí và cải thiện hiệu suất./.

(Thanh Thúy)

## ISO 13065 – THÚC ĐẨY SẢN XUẤT, SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG SINH HỌC BỀN VỮNG

**Tương lai của năng lượng sinh học đang định hình để trở thành một lực lượng then chốt trên hành trình phát triển bền vững, trong đó vai trò của tiêu chuẩn là vô cùng quan trọng.**



Theo Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), đến năm 2030, nhu cầu đối với năng lượng sơ cấp từ sinh khối sẽ tăng lên mức tương đương 1827 triệu tấn dầu hoặc 12% tổng nhu cầu năng lượng sơ cấp trên toàn thế giới. Con số này gấp đôi khối lượng tính được vào năm 1990.

Đối với một số quốc gia và khu vực đã thiết lập mục tiêu đầy tham vọng cho năng lượng và nhiên liệu sinh học trong thập kỷ tới. ISO 13065 có thể xem như một công cụ hữu

hiệu giúp các chính phủ đạt được mục tiêu của mình. Nó sẽ mang lại lợi ích không chỉ cho thị trường trong nước mà còn cả thị trường quốc tế thông qua việc làm tăng khả năng cạnh tranh của năng lượng sinh học, đặc biệt là cho các nhà sản xuất từ các quốc gia đang phát triển, giúp tránh được các hàng rào kỹ thuật thương mại.

Theo ban dự án ISO/PC 248, Tiêu chí bền vững cho năng lượng sinh học, mục tiêu và năng lượng sinh học hướng tới là giúp giảm nhẹ biến đổi khí hậu và cải thiện an ninh cung cấp năng lượng. Hầu như mỗi quốc gia trên thế giới đều sản xuất và tiêu thụ một dạng nào đó của năng lượng sinh học, do vậy nhằm đảm bảo cho tính bền vững của quá trình sản xuất cần có biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội nghiêm ngặt.

Mục tiêu của ISO 13065 là thúc đẩy sản xuất và sử dụng năng lượng sinh học một cách bền vững, thông qua đó cho phép người sử dụng nhận diện các mảng cần cải thiện liên tục. ISO 13065 được coi là xương sống của thế giới năng lượng sinh học, tuy nhiên nó không hoạt động một mình – nó được hỗ trợ bởi toàn bộ bộ tiêu chuẩn chuyên biệt.

Ví dụ, loạt tiêu chuẩn ISO 17225 đặt ra tiêu chuẩn cho nhiên liệu sinh học rắn, đảm bảo viên gỗ và than bánh đáp ứng các yêu cầu chất lượng cao nhất. Các tiêu chuẩn khác cung cấp

hướng dẫn quan trọng cho nhiên liệu sinh học lỏng và hệ thống khí sinh học. Cùng nhau, các tiêu chuẩn này đang định hình tương lai năng lượng sinh học của chúng ta, thúc đẩy kiến thức và chuyên môn sẽ thúc đẩy ngành công nghiệp tiến lên.

Tương lai của năng lượng sinh học đang định hình để trở thành một lực lượng then chốt trên hành trình phát triển bền vững của chúng ta. Nhiên liệu sinh học tiên tiến được thiết lập để cách mạng hóa bối cảnh năng lượng, với sự dẫn đầu nhờ vào phát triển nhanh chóng và

tiềm năng chứa hàm lượng dầu cao. Trong khi đó, các nhà máy lọc sinh học đang được cải tiến công nghệ cao, phát triển thành các cơ sở tích hợp không chỉ sản xuất nhiên liệu sinh học mà còn sản xuất cả nhựa sinh học và hóa chất sinh học.

Năng lượng sinh học không chỉ cung cấp năng lượng mà còn trao quyền cho cộng đồng, thúc đẩy đổi mới và tiếp thêm năng lượng cho con đường hướng tới tương lai bền vững. Cuộc cách mạng chuyển đổi rác thải thành năng lượng đang tiến đến rất gần chúng ta./

*(Minh Trang)*

## 5 BƯỚC ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN VỀ QUẢN LÝ THAY ĐỔI

**Quy trình quản lý thay đổi đề cập đến các giai đoạn liên quan đến chiến lược quản lý thay đổi và việc triển khai chúng. Quy trình này giúp tổ chức điều hướng quá trình chuyển đổi thay đổi bằng cách đảm bảo rằng tất cả yếu tố đều được xem xét.**



Theo đó, quy trình quản lý thay đổi có thể được chia thành một số bước cơ bản:

Thứ nhất, chuẩn bị cho sự thay đổi: Bước này bao gồm việc hiểu những thay đổi cần thiết và chuẩn bị cho các thành viên nhân viên và các bên liên quan về những gì sắp tới. Đây là một phần quan trọng của quy trình mà người quản lý thay đổi hỗ trợ nhân viên vượt qua mọi mối quan tâm bằng cách truyền đạt quy trình và đảm bảo sự đồng thuận từ ban lãnh đạo.

Thứ hai, tạo tầm nhìn cho sự thay đổi: Khi các bên liên quan đồng ý với sự thay đổi, nhà quản lý phải phát triển kế hoạch toàn diện và thực tế để thực hiện điều đó. Kế hoạch nên bao

gồm việc đặt mục tiêu, xác định các chỉ số hiệu suất chính (KPI) và phân công nhiệm vụ cho các bên liên quan, đồng thời xác định mốc thời gian và nguồn lực cần thiết.

Thứ ba, triển khai các thay đổi: Tất cả những gì còn lại bây giờ là thực hiện theo các bước được nêu trong kế hoạch để triển khai các thay đổi. Ở giai đoạn này của quy trình, quản lý

và giao tiếp tốt là điều cần thiết để đảm bảo mọi người vẫn tham gia và nhân viên vẫn vui vẻ, tập trung - để mọi thứ diễn ra suôn sẻ.

Thứ tư, củng cố các thay đổi: Sau khi thực hiện các thay đổi, điều quan trọng là phải đảm bảo quá trình chuyển đổi được thực hiện. Điều này đòi hỏi phải theo dõi tác động của thay đổi theo góc độ bảo mật; mọi vấn đề còn lại sẽ được xem xét kỹ lưỡng và giải quyết trước khi dự án kết thúc.

Thứ năm, xem xét và phân tích: Bước cuối cùng trong quy trình này nhằm đảm bảo thay đổi có lợi. Việc tiến hành đánh giá hậu dự án có thể giúp ban lãnh đạo hiểu được sáng kiến thay đổi là “thành công”, “thất bại” hay “chưa hoàn thành”. Hệ thống dán nhãn này giúp có được số liệu hữu ích và chính xác hơn cho bất kỳ thay đổi nào trong tương lai.

Mục đích của quy trình quản lý thay đổi là đảm bảo rằng các thay đổi được thực hiện theo

cách hợp lý và có thể dự đoán được trong khi thực hiện các bản cập nhật.

Tổ chức có thể tìm thêm lời khuyên về việc tạo kế hoạch quản lý thay đổi trong ISO/IEC 27001, tiêu chuẩn hàng đầu của ISO dành cho hệ thống quản lý bảo mật thông tin. Tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 được xây dựng xung

quanh các chính sách và quy trình hiệu quả. Những tiêu chuẩn này bao gồm hướng dẫn về quản lý thay đổi nêu rõ cách một tổ chức nên lập tài liệu và triển khai thay đổi đối với quy trình kinh doanh, cơ sở vật chất và hệ thống có tác động đến các hoạt động bảo mật thông tin./.

*(Minh Trang)*

## VAI TRÒ CỦA TIÊU CHUẨN TRONG KIỂM SOÁT KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP

**Phát triển công nghiệp là nền móng trụ cột phát triển kinh tế của quốc gia, tuy nhiên, song song với quá trình công nghiệp hóa, lượng khí thải công nghiệp thải ra ngày càng nghiêm trọng và ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và đời sống của con người.**



Trong quá trình sản xuất, vận hành máy móc, tiêu thụ nhiên liệu, các nhà máy, xí nghiệp thải ra môi trường lượng lớn khí thải công nghiệp. Các thành phần của khí thải có nhiều chất độc hại như CO<sub>2</sub>, CO<sub>3</sub>, SO<sub>2</sub>, lưu huỳnh, bụi bẩn,... Khí thải ra môi trường lượng lớn sẽ gây ra nhiều hậu quả kinh khủng và con người không thể lường trước.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực kiểm soát và giảm thiểu khí thải từ các nhà máy, nhưng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hiện nay, việc quản lý và xử lý khí thải vẫn là thách thức lớn đối với Việt Nam. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng để áp dụng các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu khí thải từ nhà

máy nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng.

Nằm trong nỗ lực kiểm soát khí thải công nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. QCVN 19:2024/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường (Bộ TN&MT) biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định; Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025.

QCVN 19:2024/BTNMT quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí. Quy chuẩn này không áp dụng đối với hoạt động xả khí thải của phương tiện giao thông vận tải. Quy chuẩn áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường; các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xả khí thải công nghiệp ra môi trường không khí.

Quy định quản lý, thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm của thiết bị xả khí thải công nghiệp của dự án đầu tư, cơ sở xả khí thải công nghiệp phải được nêu trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, văn bản đăng ký môi trường. Thông số ô nhiễm phải kiểm soát của thiết bị xả khí thải công nghiệp của dự án đầu tư, cơ sở xả khí thải công nghiệp phải được quy định trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép

môi trường. Dự án đầu tư, cơ sở có công nghệ, thiết bị có phát sinh thông số ô nhiễm đặc trưng mới chưa được quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 Quy chuẩn này thì áp dụng giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm đặc trưng đó theo tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của một trong các quốc gia thuộc Nhóm các quốc gia công nghiệp phát triển (G7).

Việc xả khí thải công nghiệp ra không khí được đánh giá là tuân thủ và phù hợp với Quy chuẩn này khi kết quả quan trắc, phân tích của thông số ô nhiễm không vượt quá giá trị giới hạn cho phép quy định tại Bảng 1 và Bảng 2

Quy chuẩn này (hoặc không vượt quá giá trị giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của một trong các quốc gia thuộc Nhóm các quốc gia công nghiệp phát triển (G7) trong trường hợp có phát sinh thông số ô nhiễm đặc trưng mới quy định tại Mục 4.2.3 Quy chuẩn này).

Phương thức đánh giá sự tuân thủ và phù hợp với Quy chuẩn này được thực hiện thông qua quan trắc, phân tích mẫu khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí./.

*(Tiến Đông)*

## VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC TIÊU CHUẨN TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

**Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa đóng vai trò then chốt, giúp tạo ra những sản phẩm tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.**



Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) và các đối tác đã thực hiện nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy giáo dục tiêu chuẩn hóa trên toàn cầu. Một trong số đó là Sáng kiến Hợp tác tiêu chuẩn thế giới của ISO, IEC và Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) với các sự kiện như “WSC Academic Days” và các buổi hội thảo quốc tế để thúc đẩy hợp tác trong giáo dục tiêu chuẩn hóa. Những sự kiện này nhằm tạo môi trường để các

học giả, sinh viên và nhà chuyên môn chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức về tiêu chuẩn.

ISO cũng hợp tác với nhiều trường đại học tại châu Âu và châu Á để phát triển các chương trình đào tạo liên ngành, cung cấp cho sinh viên cơ hội học hỏi về tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, cung cấp miễn phí kho học liệu và hỗ trợ nghiên cứu trực tuyến, giúp các nhà giáo dục và sinh viên dễ dàng tiếp cận kiến thức về tiêu chuẩn hóa.

Các công cụ này không chỉ phục vụ việc học tập mà còn khuyến khích tích hợp tiêu chuẩn hóa vào khóa học. Thông qua đây, ISO và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của giáo dục tiêu chuẩn hóa, hỗ trợ nâng cao kỹ năng chuyên môn và sự hiểu biết về vai trò của tiêu chuẩn trong nền kinh tế toàn cầu.

IEC cũng rất tích cực thúc đẩy giáo dục tiêu chuẩn hóa trong phạm vi tiêu chuẩn hóa điện, điện tử. IEC cung cấp các chương trình học bổng nhằm hỗ trợ sinh viên nghiên cứu, tiếp cận sâu hơn về tiêu chuẩn kỹ thuật điện. Thông qua đó, IEC khuyến khích sinh viên nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong các dự án học tập và nghiên cứu, giúp họ

hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của tiêu chuẩn hóa trong lĩnh vực kỹ thuật.

IEC mở rộng hợp tác với các trường đại học và tổ chức công nghiệp để phát triển các chương trình đào tạo tiêu chuẩn hóa, tập trung vào các lĩnh vực điện và điện tử, cung cấp miễn phí tài liệu (cẩm nang, hướng dẫn...) cho các nhà giáo dục và sinh viên để hỗ trợ công tác giảng dạy. Điều này không chỉ giúp sinh viên có cơ hội học hỏi từ các chuyên gia trong ngành, mà còn thúc đẩy việc ứng dụng tiêu chuẩn vào thực tế công nghiệp.

Đặc biệt, Chương trình chuyên gia trẻ của IEC (IEC Young Professionals) được phát triển

để thu hút và đào tạo thế hệ trẻ trong xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn. Đây là nền tảng để các bạn trẻ giao lưu, học hỏi và tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

Việt Nam với vai trò là quốc gia thành viên của ISO cũng đóng góp chuyên gia để tham gia xây dựng chương trình, tài liệu phục vụ cho mục tiêu phát triển đội ngũ chuyên gia tiêu chuẩn hóa ở cấp độ quốc gia và quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là một số quốc gia trong khu vực, Việt Nam đã có những bước tiến nhất định trong nỗ lực phát triển nguồn nhân lực tiêu chuẩn hóa quốc gia./

(Tiến Đông)

## DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý GÌ VỚI QCVN 05:2023/BTNMT VỀ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

**Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT đã có những điều chỉnh quan trọng đối với các thông số ô nhiễm như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và bụi PM<sub>10</sub>, PM<sub>2,5</sub>.**



Ngày nay, ô nhiễm không khí đang trở thành một trong những vấn đề cấp bách đối với các thành phố lớn và khu công nghiệp tại Việt Nam. Để đảm bảo sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành QCVN 05:2023/BTNMT, quy định các

tiêu chuẩn cho phép đối với các thông số ô nhiễm quan trọng như: SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tổng bụi lơ lửng TSP, bụi PM<sub>10</sub> và PM<sub>2,5</sub>. Quy chuẩn này không chỉ là công cụ pháp lý quan trọng trong công tác quản lý môi trường mà còn là cơ hội để các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và nâng cao trách nhiệm xã hội.

Những thông số ô nhiễm quan trọng doanh nghiệp cần quan tâm

**SO<sub>2</sub> (Sulfur Dioxide)**

Sulfur dioxide (SO<sub>2</sub>) là một trong những khí ô nhiễm chính, chủ yếu phát sinh từ các nhà máy sản xuất công nghiệp, đặc biệt là trong ngành nhiệt điện, khai thác mỏ và sản xuất xi măng. SO<sub>2</sub> có thể gây ra các bệnh về hô hấp và làm giảm chất lượng không khí trong khu vực xung quanh. QCVN 05:2023/BTNMT quy định mức giới hạn

SO<sub>2</sub> là:

Giới hạn 24 giờ ≤ 0,5 ppm (1,3 mg/m<sup>3</sup>)

Giới hạn trung bình năm ≤ 0,1 ppm (0,26 mg/m<sup>3</sup>)

Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp sản xuất cần chủ động

trong việc giám sát và giảm thiểu khí thải SO<sub>2</sub>, không chỉ vì tuân thủ quy định mà còn vì lợi ích sức khỏe của cộng đồng.

**NO<sub>2</sub> (Nitrogen Dioxide)**

NO<sub>2</sub> là khí ô nhiễm chính phát sinh từ các nguồn giao thông và hoạt động công nghiệp. Với các doanh nghiệp nằm trong các khu vực có mật độ giao thông cao hoặc gần các khu công nghiệp, việc kiểm soát NO<sub>2</sub> là rất quan trọng. QCVN 05:2023/BTNMT quy định giới hạn:

Giới hạn 1 giờ  $\leq 0,2$  ppm ( $0,4$  mg/m<sup>3</sup>)

Giới hạn trung bình năm  $\leq 0,05$  ppm ( $0,1$  mg/m<sup>3</sup>)

**Tổng Bụi Lơ Lửng (TSP)**

Bụi lơ lửng TSP là loại bụi tổng hợp, bao gồm các hạt bụi có kích thước khác nhau. Chúng thường xuất hiện trong các hoạt động xây dựng, sản xuất, và giao thông. Đặc biệt, các doanh nghiệp trong ngành xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản cần chú trọng đến việc kiểm soát bụi TSP. Quy chuẩn này quy định:

Giới hạn 24 giờ  $\leq 0,3$  mg/m<sup>3</sup>

Giới hạn trung bình năm  $\leq 0,1$  mg/m<sup>3</sup>

Các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư vào công nghệ xử lý bụi và cải thiện quy trình sản xuất để giảm thiểu tác động môi trường.

**Bụi PM<sub>10</sub> và PM<sub>2,5</sub>**

Bụi PM<sub>10</sub> và PM<sub>2,5</sub> là hai yếu tố ô nhiễm không khí nguy hiểm, đặc biệt là với các khu vực công nghiệp hoặc đô thị có mật độ giao thông cao. Các hạt bụi này có thể dễ dàng xâm

nhập vào phổi, gây ra các bệnh về hô hấp và tim mạch. Chính vì vậy, QCVN 05:2023/BTNMT quy định các giới hạn cụ thể đối với bụi PM<sub>10</sub> và PM<sub>2,5</sub> như sau:

PM<sub>10</sub>: Giới hạn 24 giờ  $\leq 0,15$  mg/m<sup>3</sup>, trung bình năm  $\leq 0,05$  mg/m<sup>3</sup>

PM<sub>2,5</sub>: Giới hạn 24 giờ  $\leq 0,05$  mg/m<sup>3</sup>, trung bình năm  $\leq 0,025$  mg/m<sup>3</sup>

Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt trong các ngành công nghiệp nặng như khai thác mỏ, sản xuất xi măng, gạch ngói, và các nhà máy nhiệt điện.

**Cơ hội cho doanh nghiệp**

Ngoài việc tuân thủ các quy định về chất lượng không khí, QCVN 05:2023/BTNMT còn mang đến cơ hội để các doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm xã hội và cam kết bảo vệ môi trường. Việc chủ động áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí không chỉ giúp doanh nghiệp tránh được các chế tài xử phạt mà còn góp phần tạo dựng hình ảnh thương hiệu mạnh mẽ, thân thiện với môi trường.

Các doanh nghiệp có thể tận dụng các công nghệ xanh, sáng tạo trong sản xuất để giảm thiểu khí thải và bụi bẩn. Bên cạnh đó, việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường cũng là một chiến lược giúp doanh nghiệp tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường./.

*(Nguyễn Nhung)*

## THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU TÔM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TUÂN THỦ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

**Ngành nuôi tôm đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nhiều quốc gia, đặc biệt là Đông Nam Á. Tuy nhiên, để thâm nhập và duy trì chỗ đứng trên các thị trường quốc tế khó tính, các doanh nghiệp và người nuôi cần đầu tư nghiêm túc vào việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt.**

Cơ hội và thách thức trên các thị trường lớn

Với nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng tại các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản, ngành xuất khẩu tôm không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra hàng triệu việc làm. Tuy nhiên, để thâm nhập và duy trì vị thế tại các thị trường quốc tế, sản phẩm tôm

phải đáp ứng những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt.

Mỹ là thị trường tiêu thụ tôm lớn nhất thế giới với nhu cầu cao đối với các sản phẩm tôm chế biến sẵn. Tuy nhiên, đây cũng là thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng và an toàn thực phẩm. Tương tự, Châu Âu - thị trường lớn thứ hai, với các quốc gia tiêu biểu như Pháp, Tây Ban Nha và Anh, nổi tiếng là "khó tính" khi đặt ra những quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Trong khi đó, Nhật Bản chú trọng vào chất lượng, hương vị và nguồn gốc rõ ràng của sản phẩm tôm.



Đảm bảo chất lượng tôm xuất khẩu vào thị trường khó tính.

Những thị trường này mang lại cơ hội lớn nhưng cũng đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng từ người nuôi tôm và doanh nghiệp để đáp ứng các yêu cầu cao về tiêu chuẩn quốc tế.

Các tiêu chuẩn quốc tế quan trọng trong ngành tôm

Để sản phẩm đạt chuẩn xuất khẩu, người nuôi và doanh nghiệp cần tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Points): Tiêu chuẩn này yêu cầu doanh nghiệp phân tích và kiểm soát các mối nguy tiềm ẩn trong quá trình sản xuất và chế biến tôm, đảm bảo sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

ASC (Aquaculture Stewardship Council): Tiêu chuẩn này đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. ASC bao gồm các giới hạn về sử dụng đất, nước, hóa chất độc hại, và yêu cầu xử lý chất thải hiệu quả.

BAP (Best Aquaculture Practices): Được phát triển bởi Liên minh Nuôi trồng Thủy sản Toàn cầu, BAP thúc đẩy các thực hành tốt nhất trong nuôi trồng thủy sản, tập trung vào an toàn thực phẩm, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

GlobalG.A.P. (Global Good Agricultural Practice): Đây là tiêu chuẩn quốc tế về nuôi trồng bền vững, bao gồm an toàn sinh học, quản lý thức ăn và chất lượng nước trong nuôi tôm.

EU Organic: Đây là tiêu chuẩn hữu cơ do Liên minh Châu Âu đặt ra, yêu cầu không sử dụng kháng sinh, thuốc trừ sâu và hóa chất tổng hợp trong quá trình nuôi trồng. Sản phẩm hữu cơ ngày càng được ưa chuộng nhờ sự quan tâm đến sức khỏe và môi trường.

Mặc dù mang lại lợi ích lớn, việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế không dễ dàng, đặc biệt đối với các hộ nuôi nhỏ lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đầu tư vào công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng là cần thiết nhưng thường đi kèm với chi phí cao. Bên cạnh đó, quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt đòi hỏi nguồn nhân lực có chuyên môn và kinh nghiệm. Ngoài ra, việc xử lý chất thải, kiểm soát dịch bệnh theo tiêu chuẩn cũng làm tăng chi phí vận hành.

Để tận dụng cơ hội từ thị trường quốc tế, người nuôi tôm cần chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư vào công nghệ và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, việc hợp tác với các tổ chức, liên minh và cơ quan chức năng để hỗ trợ tài chính và kỹ thuật là yếu tố then chốt giúp ngành tôm phát triển bền vững. Những nỗ lực này không chỉ giúp nâng cao giá trị sản phẩm mà còn khẳng định vị thế của ngành tôm Việt Nam trên bản đồ thế giới./

(*Hồng Vân*)

## BƯỚC CHUYỂN MÌNH CỦA NÔNG SẢN VIỆT: CHÌA KHÓA CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

**Nông sản Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để khẳng định vị thế trên bản đồ xuất khẩu toàn cầu. Tuy nhiên, thách thức về chất lượng và khả năng cạnh tranh vẫn là bài toán chưa có lời giải triệt để.**



Định hướng phát triển ngành Nông nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc nâng cao chất lượng nông sản xuất khẩu (NSXK) trở thành yếu tố then chốt để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp và nông thôn. Theo nghiên cứu của TS. Phạm Trung Tiến và ThS. Đào Hồng Hạnh từ Viện Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Thương mại, việc nâng cao chất lượng nông sản xuất khẩu là một trong những giải pháp thiết yếu để thực hiện thành công chiến lược hội nhập quốc tế trong ngành Nông nghiệp.

Theo khảo sát của nhóm tác giả, thực trạng chất lượng nông sản xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam cho thấy có nhiều yếu tố tích cực nhưng cũng không thiếu những vấn đề cần khắc phục. Nghiên cứu đã khảo sát 86 doanh nghiệp xuất khẩu nông sản từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2023. Kết quả cho thấy, các doanh nghiệp này nhìn chung đã chú trọng đến việc đáp ứng yêu cầu chất lượng của khách

hàng quốc tế, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những vấn đề lớn cần giải quyết.

Đáng chú ý là một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu như Global GAP, EU GAP, hoặc các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc xuất xứ và mẫu mã, bao bì. Việc sản phẩm bị trả về do không đạt tiêu chuẩn vẫn xảy ra, điều này phản ánh sự thiếu tự tin của doanh nghiệp trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời chỉ ra rằng có sự lúng túng trong việc nắm bắt và thực hiện những yêu cầu của các thị trường khó tính.

Giải pháp nâng cao chất lượng nông sản xuất khẩu

Để nâng cao chất lượng nông sản xuất khẩu, các chuyên gia đề xuất một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản (XKNS) Việt Nam cần có thái độ nghiêm túc và đầu tư đúng mức vào việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng như Global GAP, ASEAN GAP, truy xuất nguồn gốc, ghi nhãn, mẫu mã, bao bì... Thay vì chỉ đối phó, các doanh nghiệp nên hiểu rằng đáp ứng tốt các tiêu chuẩn này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng tiêu thụ, nhận diện thương hiệu mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững. Do tính phức tạp và biến động của các tiêu chuẩn này, doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với hiệp hội, cơ quan nhà nước để thực hiện và bảo vệ quyền lợi hiệu quả.

Thứ hai, nâng cao chất lượng đầu vào là yếu tố cốt lõi để đảm bảo chất lượng đầu ra đáp ứng thị trường nước ngoài. Việc áp dụng công nghệ hiện đại sẽ tăng hiệu quả sản xuất, giá trị gia tăng nông sản, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, công nghệ tự động hóa còn giúp giảm phụ thuộc vào lao động thủ công, giải quyết thách thức về tính mùa vụ và chi phí nhân công cao.

Thứ ba, xây dựng thương hiệu nông sản xuất khẩu là một yêu cầu cấp bách. Dù có lợi thế về sản phẩm đa dạng, thương hiệu nông sản Việt Nam vẫn còn yếu, giá trị gia tăng trong xuất khẩu thấp do nhiều doanh nghiệp chỉ xuất khẩu thô. Phát triển thương hiệu mạnh không chỉ khẳng định vị thế mà còn chứng minh khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cao của sản phẩm.

Thứ tư, các doanh nghiệp XKNS cần được hỗ trợ tài chính để đổi mới công nghệ và mở rộng quy mô. Đầu tư này mang tính dài hạn, không thể thấy hiệu quả ngay nhưng là điều kiện tiên quyết để đảm bảo phát triển bền

vững, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và bảo vệ môi trường. Nhà nước và các tổ chức tài chính cần ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đáp ứng những tiêu chí này.

Thứ năm, xây dựng và phát triển quan hệ với các tổ chức và cộng đồng là giải pháp bổ trợ quan trọng. Doanh nghiệp cần duy trì quan hệ với đối tác trong ngành như hộ sản xuất, doanh nghiệp chế biến, hiệp hội ngành hàng, và mở rộng ra các tổ chức nghiên cứu, tài chính, xúc tiến xuất khẩu, và truyền thông. Đồng thời, doanh nghiệp cần chia sẻ lợi ích với cộng đồng, nâng cao hình ảnh và vị thế để phát triển ổn định và bền vững./.

*(Minh Trang)*

## ISO 22336 – TIÊU CHUẨN MỚI VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI TỔ CHỨC

**Trong môi trường rủi ro luôn tiềm ẩn và có sự thay đổi nhanh chóng như hiện nay, khả năng phục hồi và thích nghi của tổ chức quan trọng hơn bao giờ hết. Quan trọng hơn cả là người đứng đầu tổ chức, các nhà lãnh đạo cần trang bị cho những kiến thức và kĩ năng để thích ứng, điều hướng tổ chức mình vượt qua những khó khăn, khủng hoảng và phục hồi nhanh chóng, điều này không chỉ có lợi cho một tổ chức mà còn là yếu tố cần thiết trong thời đại ngày nay.**



Chính vì vậy, sự hình thành tiêu chuẩn ISO 22336 là bản bổ sung tiêu chuẩn mới nhất trong bộ tiêu chuẩn về hỗ trợ khả năng phục hồi của tổ chức như ISO 22301: Quản lý tính liên tục của doanh nghiệp và ISO 22316: Phác thảo các nguyên tắc phục hồi doanh nghiệp.

Trong nội dung này, mục đích của tiêu chuẩn ISO 22336 là cung cấp một khuôn khổ chung để hướng dẫn các tổ chức nâng cao khả năng phục hồi, vượt qua những rủi ro trong doanh nghiệp. Hiện thức hóa từ một khái niệm trừu tượng thành một ưu tiên chiến lược đang được nhiều doanh nghiệp quan tâm hiện nay.

Về bản chất, ISO 22336 là một phần trong bộ tiêu chuẩn về an ninh và phục hồi để hỗ trợ các tổ chức trong việc dự đoán, thích ứng và ứng phó với sự gián đoạn nhất thời nhưng vẫn đảm bảo chúng vẫn hoạt động và hiệu quả.

Trong khi các tiêu chuẩn về khả năng phục hồi và tính liên tục cho doanh nghiệp trước đây thường chỉ tập trung trong nội dung vào phục hồi, thì tiêu chuẩn ISO 22336 đã được phát triển một cách tiếp cận toàn diện hơn. Đây là bản nâng cao hơn, tập trung phân tích sâu vào các biện pháp phản ứng như trong bản ISO 22301 trước, ngoài ra còn nhấn mạnh vào các nguyên tắc cơ bản cũng như trả lời cho câu hỏi khả năng phục hồi là gì và tại sao nó lại quan trọng?

Mặt khác, tiêu chuẩn ISO 22336 còn cung cấp một lộ trình để tích hợp khả năng phục hồi vào cấu trúc chiến lược của một tổ chức. Sự tích hợp này vô cùng quan trọng đối với những

người lãnh đạo vì nó liên kết khả năng phục hồi với các mục tiêu quản lý rủi ro và hoạt động trong phạm vi rộng hơn, thay vì chỉ tập trung vào một rủi ro như trước.

Tiêu chuẩn này tập trung vào việc xây dựng chính sách, thiết kế chiến lược và xác định các ưu tiên để thực hiện chiến lược phục hồi của tổ chức một cách hiệu quả.

Những điểm chính nổi bật mà bản tiêu chuẩn hướng đến bao gồm:

Thiết kế và xây dựng chính sách phục hồi.

Xây dựng chiến lược để đạt được mục tiêu phục hồi.

Xác định các ưu tiên để thực hiện các sáng kiến phục hồi.

Thiết lập năng lực hợp tác và phối hợp để tăng cường khả năng phục hồi.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho mọi tổ chức, bất kể ngành hay lĩnh vực nào, và mục đích xây dựng tiêu chuẩn này nhằm mục đích tăng cường khả năng phục hồi, phòng tránh rủi ro của tổ chức trong suốt thời gian hoạt động.

Khi áp dụng tiêu chuẩn này, không chỉ các nhà lãnh đạo mà chính các doanh nghiệp cũng

được hưởng nhiều lợi ích. Có thể kể đến như:

Khả năng phục hồi được cải thiện: ISO 22336 trang bị cho các tổ chức khuôn khổ và công cụ để xây dựng các quy trình phục hồi mạnh mẽ.

Quản lý rủi ro được cải thiện: Tiêu chuẩn này nhấn mạnh cách tiếp cận chủ động đối với quản lý rủi ro. Bằng cách hiểu và dự đoán các mối đe dọa tiềm ẩn, các tổ chức có thể thực hiện các biện pháp để giảm thiểu rủi ro trước khi chúng leo thang thành khủng hoảng.

Lập kế hoạch chiến lược: ISO 22336 khuyến khích tích hợp khả năng dự đoán phục hồi ngay trong quá trình lập kế hoạch chiến lược. Điều này giúp cho các doanh nghiệp luôn đảm bảo thích ứng kịp thời bất kì trong môi trường nào.

Tóm lại, tiêu chuẩn ISO 22336 là một công cụ giúp các nhà lãnh đạo thực hiện chiến lược phục hồi cho doanh nghiệp, tổ chức của mình nhằm hướng tới sự phát triển bền vững hơn, vượt qua các rủi ro, thách thức có thể gặp phải./.

*(Yến Hoa)*

## Ức ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN AN NINH ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI

**Để đánh dấu bước tiến lớn về an ninh quốc gia và thương mại, Úc đã thông qua tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên trên thế giới nhằm mục đích định hình lại cách các tổ chức bảo vệ con người, cơ sở hạ tầng và thông tin của họ.**



Ủy ban kỹ thuật về An ninh và Khả năng phục hồi thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Úc, MB-025, đã công bố tiêu chuẩn AS ISO 22340, Bảo mật và khả năng phục hồi.

Dựa trên tiêu chuẩn ISO trước đó, Úc đã ban hành tiêu chuẩn mới nhằm tăng cường thể trận an ninh của mình và cung cấp hướng dẫn thực tế cho mọi tổ chức nhằm liên tục cải thiện an ninh bảo vệ thông qua các nguyên tắc quản lý rủi ro và các thỏa thuận quản trị được thiết kế để đảm bảo việc thực hiện được phối hợp và thống nhất về mặt chiến lược.

Thuật ngữ 'bảo mật' ở đây bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau, song, trong bản tiêu chuẩn này, có thể hiểu đơn giản là biện pháp kiểm soát các tổ chức có nguy cơ bị vi phạm hoặc bị đe dọa an toàn, an ninh bởi các quy định bảo vệ không hiệu quả.

Dựa trên tiêu chuẩn ISO 22340 là tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên trên thế giới cung cấp hướng dẫn về việc phối hợp và tích hợp bảo mật. Tiêu chuẩn này đề ra các quy trình và hoạt động chính nhằm bảo vệ tài sản của tổ chức, doanh nghiệp khỏi các hành vi độc hại, hoặc các sự cố ngoài ý muốn.

Ngoài ra, tiêu chuẩn còn cung cấp hướng dẫn về cách xây dựng an ninh bảo vệ theo cấu trúc được ghi chép lại, theo đúng trình tự quy trình và thông số kỹ thuật được thiết kế để hỗ trợ các mục tiêu an ninh của tổ chức.

AS ISO 22340 bao gồm năm lĩnh vực bảo mật: quản trị bảo mật, bảo mật nhân sự, bảo mật thông tin, an ninh mạng và bảo mật vật lý. Các lĩnh vực này không ảnh hưởng đến nhau khi hoạt động cùng lúc và khi được quản lý và phối hợp hiệu quả, các tổ chức có thể cải thiện quy trình và kết quả bảo mật của mình một cách tối ưu nhất. Tiêu chuẩn này còn hướng dẫn lập kế hoạch và ứng phó với các rủi ro bảo mật trong các lĩnh vực này trên tất cả các tài sản, bao gồm con người, cơ sở hạ tầng và thông tin. Quan trọng là, tiêu chuẩn này là sự kết hợp của các tiêu chuẩn quốc tế như ISO/IEC 27001 và AS 4811 (Tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng lao động).

An ninh là trách nhiệm của mọi người.

Bảo mật hỗ trợ kinh doanh.

Quản lý an ninh dựa trên các nguyên tắc quản lý rủi ro.

Ban quản lý cấp cao chịu trách nhiệm về an ninh của tổ chức.

Bảo mật được tích hợp vào mọi cấp độ hoạt động của tổ chức.

Bảo mật được cung cấp trong một vòng đời cải tiến liên tục.

Tương tự như vậy, các nguyên tắc được nêu trong tiêu chuẩn AS ISO 22340 nhằm mục đích hỗ trợ tất cả các tổ chức bất kể lĩnh vực nào bằng cách tăng cường khả năng phục hồi, bảo toàn tài sản và giải quyết nhiều mối đe dọa và rủi ro trong nhiều khía cạnh khác nhau.

Tiêu chuẩn này đã cung cấp một khuôn khổ cải tiến liên tục các hệ thống bảo mật, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đánh giá thường xuyên và nâng cao mức độ nâng cấp bảo mật.

Các tổ chức có thể sử dụng khuôn khổ này để đánh giá tình hình bảo mật của mình, từ đó xếp hạng mức độ của từng lĩnh vực bảo mật và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Điều này giúp các tổ chức trang bị để thích ứng với các mối đe dọa và môi trường bảo mật đang thay đổi, thúc đẩy văn hóa cải tiến liên tục./.

*(Yến Hoa)*

## ỨC SỬA ĐỔI TIÊU CHUẨN AN TOÀN CHO MÁY GIẶT VÀ Lò VI SÓNG, TRÁNH XA TẦM VỚI CỦA TRẺ NHỎ

Trong những năm gần đây, Úc và NewZealand liên tục tiếp nhận những vụ tai



nạn thương tâm khi trẻ em tiếp xúc với máy giặt và lò vi sóng. Điều này đã nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về các tiêu chuẩn an toàn được cập nhật để ngăn ngừa những thảm kịch tương tự, đây cũng là thời điểm để các nhà chức trách vào cuộc.

Sau một thời gian điều chỉnh và sửa đổi, AS/NZS 60335.2.7:2020 Amd 1:2024, Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn, Phần 2.7: Các yêu cầu cụ thể đối với máy giặt, một tiêu chuẩn sửa đổi, điều chỉnh thiết kế các tính năng an toàn của máy giặt đã được ban hành.

Theo đó, các loại máy giặt hiện nay được yêu cầu phải có cơ chế chuyển đổi tác động kép. Nghĩa là thao tác sử dụng máy giặt khi hoạt động phải yêu cầu hai bước kích hoạt, điều này tránh cho việc trẻ có thể vô thức ấn vào một nút khởi động cho máy chạy như trước đây. Điều này phục vụ cho tình huống trẻ vô tình bị mắc kẹt trong máy giặt và vô tình bật máy khởi động, đây được xem là một biện pháp bảo vệ an toàn tổng thể. Ngoài ra, bản sửa đổi này còn là sự cam kết của Tiêu chuẩn Úc trong việc bảo vệ an toàn cho trẻ em, và có thể được áp dụng cho nhiều quốc gia khác nhau.

Nếu thuận lợi, tiêu chuẩn này sẽ được chính thức áp dụng từ giữa năm 2026.

Tiêu chuẩn này không chỉ thể hiện lời cam kết bảo vệ an toàn trẻ em về các thiết bị gia dụng của chính phủ Úc, nâng cao tính năng an toàn cho các gia đình có trẻ nhỏ, mà còn hỗ trợ các nhà sản xuất thiết bị có sự hướng dẫn chi tiết, rõ ràng hơn về việc tuân thủ tiêu chuẩn và thiết kế sản phẩm theo một khuôn khổ chung.

Tương tự như vậy, các bản cập nhật tiêu chuẩn cho lò nướng gia dụng cũng được sửa đổi nhằm cải thiện độ an toàn cho các thiết bị gia dụng và giảm thiểu thương tích do bỏng ở trẻ em. Tiêu chuẩn AS/NZS 60335.2.6 Thiết bị điện gia dụng - An toàn, Phần 2.6: Các yêu cầu cụ thể đối với bếp nấu cố định, bếp nấu, lò nướng và các thiết bị tương tự cũng được ban hành trong cùng thời điểm đó. Tiêu chuẩn sửa đổi nêu rõ yêu cầu thiết kế mặt ngoài của cửa lò

nướng phải luôn giữ ở nhiệt độ thích hợp và an toàn những phải đảm bảo máy đang hoạt động ở bên trong. Sự thay đổi này mang tính thách thức về mặt kỹ thuật vì nó đòi hỏi phải cân bằng giữa khả năng giữ nhiệt hiệu quả bên trong lò nướng với lớp vỏ ngoài mát hơn, an toàn hơn. tiêu chuẩn này đã được triển khai tại Úc và New Zealand vào năm 2014 và mới được điều chỉnh lại mới đây.

Tiêu chuẩn sửa đổi này đã có sự tham gia đóng góp ý kiến và xây dựng của nhiều bên liên quan bởi nó đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật khá nhiều, chính vì vậy, tiêu chuẩn đã có sự tham khảo và áp dụng của tiêu chuẩn IEC 60335 làm sao để hoàn thiện một tiêu chuẩn đáp ứng được nhiều yêu cầu và nhiều khía cạnh khác nhau, từ an toàn kỹ thuật điện, đến đảm bảo an toàn cho người sử dụng và trẻ nhỏ.

Bà Kareen Riley-Takos, Giám đốc điều hành tại Standards Australia cho biết, “Sự phát triển của các tiêu chuẩn này nhấn mạnh những nỗ lực liên tục để thích ứng với những thách thức an toàn mới và những tiến bộ công nghệ, đồng thời hướng đến cuộc sống an toàn và đem lại niềm tin cho người sử dụng.”

Bằng cách tiếp tục cải tiến và nâng cao các tiêu chuẩn an toàn, chính phủ Úc đang nỗ lực trong công cuộc bảo vệ cuộc sống an toàn cho chính những công dân nước họ cũng như công dân toàn cầu, hướng đến một cuộc sống phát triển an toàn bền vững./.

*(Nguyễn Nam)*

## TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM THEO TIÊU CHUẨN

Mặc dù đã đạt được những kết quả khả quan, nhưng chính sách truy xuất nguồn gốc thực phẩm tại Việt Nam vẫn gặp phải những khó khăn, vướng mắc. Theo đó việc sở hữu một hệ thống quản lý rõ ràng, đồng bộ,

và minh bạch, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiêu chuẩn pháp lý quốc gia và quốc tế.

Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hoá trong lĩnh vực thực phẩm nói chung và nông lâm thủy sản nói riêng cùng với sự đa

dạng của nguồn cung cấp nguyên liệu, chế biến, chuỗi cung ứng dài hơn, khiến cho sản phẩm, hàng hoá thực phẩm có nguy cơ khó xác định được nguồn gốc, xuất xứ chính xác. Người tiêu



dùng từ đó cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với nguồn cung thực phẩm, đảm bảo tính an toàn và có thể xác định. Những yêu cầu này đã hình thành nhu cầu về chính sách truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

Chính sách truy xuất nguồn gốc thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng. Tuy nhiên chính sách truy xuất nguồn gốc thực phẩm cần phải có một hệ thống quản lý rõ ràng, đồng bộ, và minh bạch, đặc biệt cần phải dựa trên các tiêu chí đánh giá theo các tiêu chuẩn pháp lý quốc gia và quốc tế.

Hiện nay Việt Nam đã có Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13167:2020 truy xuất nguồn gốc - các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố nhằm xác định các yếu tố cần thiết để xây dựng các biện pháp thực hành đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm thực phẩm. Các tiêu chí đánh giá thể hiện dưới dạng danh mục kiểm tra, được thiết kế để áp dụng và/hoặc xem xét hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện hành của tổ chức, bao gồm cơ sở sản xuất, cơ sở sơ chế, cơ sở chế biến, nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho chuỗi cung ứng thực phẩm.

Yêu cầu chung về các mức độ tuân thủ tiêu chí đánh giá thì tiêu chuẩn này đưa ra các

mức độ tuân thủ các tiêu chí đánh giá mà một tổ chức cần đáp ứng khi được đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc. Các mức độ tuân thủ cụ thể tại các điểm kiểm soát của hệ thống truy xuất nguồn gốc cụ thể: Ở mức độ tuân thủ

bắt buộc các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu quan trọng nhất theo TCVN 12850, TCVN ISO 22005 và/hoặc tiêu chuẩn cụ thể đối với chuỗi cung ứng, chuyên gia đánh giá không được chỉ ra các điểm kiểm soát này là “không áp dụng” yêu cầu phải tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát này.

Ở mức độ bắt buộc có điều kiện các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu quan trọng nhất theo TCVN 12850, TCVN ISO 22005 và/hoặc tiêu chuẩn cụ

thể đối với chuỗi cung ứng, nhưng chuyên gia đánh giá có thể chỉ ra các điểm kiểm soát này là “không áp dụng”, tùy theo thực tế hoặc tình huống cụ thể được thực hiện trong mỗi tổ chức. Ở mức độ tùy chọn các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu theo TCVN 12850 thuộc trách nhiệm của đối tác thương mại của các thương phẩm do tổ chức tiếp nhận được đánh giá

Ở mức độ khuyến nghị các điểm kiểm soát này đáp ứng các yêu cầu truy xuất nguồn gốc theo các tiêu chuẩn khác ngoài TCVN 12850, theo các biện pháp thực hành sản xuất tốt hoặc theo hướng dẫn truy xuất nguồn gốc quốc tế.

Theo đó mỗi điểm kiểm soát có thể được đánh giá là tuân thủ (“Có”), không tuân thủ (“Không”) hoặc không áp dụng. Câu trả lời “không áp dụng” không được sử dụng cho các điểm kiểm soát “bắt buộc”. Đối với các điểm kiểm soát còn lại, chỉ có trưởng nhóm đánh giá được quyền quyết định câu trả lời “không áp dụng”. Phải đánh giá tất cả các điểm kiểm soát trong danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc. Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc đáp ứng TCVN 12850 nếu tổ chức tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát “bắt buộc”, các điểm kiểm soát “bắt buộc có điều kiện” và các điểm kiểm soát “tùy chọn”./.

(Tiến Đông)

## CÁC YÊU CẦU AN TOÀN THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA THIẾT BỊ CAMERA GIÁM SÁT SỬ DỤNG GIAO THỨC INTERNET THEO QUY CHUẨN

**Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet là camera kỹ thuật số, có thể kết nối qua giao thức Internet, thực hiện một phần hoặc toàn bộ việc giám sát, ghi hình. Do đó để đảm bảo an toàn thông tin cơ bản cho người sử dụng thì thiết bị này phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy chuẩn.**



Theo thống kê, thị trường camera giám sát tại Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 14% mỗi năm trong giai đoạn gần đây, đặc biệt khi nhu cầu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ IoT (Internet of Things), và phát triển đô thị thông minh được thúc đẩy. Nhất là camera gia đình có mức tăng trưởng cao hơn, đạt khoảng 17%.

Cùng với sự phổ biến của các thiết bị camera giám sát, các vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin, quyền riêng tư và an toàn dữ liệu ngày càng được quan tâm, nhất là khi nhiều thiết bị được kết nối với Internet. Đã có những báo cáo về việc camera giám sát bị tấn công, xâm nhập trái phép, dẫn đến nguy cơ mất an toàn thông tin và lộ dữ liệu cá nhân của người dùng. Trong bối cảnh nhu cầu camera giám sát tăng vọt tại Việt Nam, Thông tư 21/2024/TT-BTTTT được ban hành, với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn, nâng cao tính minh bạch và chất lượng của các sản phẩm camera...

Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet là camera kỹ thuật số nên đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn. Ảnh minh họa Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 135:2024/BTTTT Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet - Các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số 21/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024. Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật an toàn thông tin mạng cơ bản cho thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet. Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet là camera kỹ thuật số, có thể kết nối qua giao thức Internet, thực hiện một phần hoặc toàn bộ việc giám sát, ghi hình.

Theo quy định tại quy chuẩn này thì việc khởi tạo mật khẩu duy nhất của thiết

bị camera được sử dụng trong bất kỳ trạng thái nào (trừ trạng thái mặc định xuất xưởng) phải là duy nhất cho mỗi thiết bị hoặc do người sử dụng thiết lập. Mật khẩu của thiết bị camera được thiết lập sẵn bởi nhà sản xuất, phải được tạo ra bởi cơ chế có khả năng phòng, chống các cuộc tấn công tự động.

Cơ chế xác thực được sử dụng bởi thiết bị camera để xác thực người sử dụng phải sử dụng các mật mã an toàn, phù hợp với mục đích sử dụng, đặc tính công nghệ và nguy cơ, rủi ro. Thiết bị camera có cơ chế cho phép người sử dụng hoặc quản trị viên thay đổi giá trị xác thực một cách đơn giản. Cơ chế xác thực được sử dụng bởi thiết bị camera có khả năng ngăn chặn tấn công vét cạn (brute-force) qua các giao diện mạng.

Theo đó quá trình quản lý lỗ hổng bảo mật nhà sản xuất phải công bố chính sách công bố lỗ hổng bảo mật. Chính sách này phải bao gồm tối thiểu các thông tin: Thông tin liên hệ để tiếp nhận thông tin về lỗ hổng; Thông tin về thời gian đối với các việc.

Nhà sản xuất phải công bố thời hạn hỗ trợ bảo hành đối với từng chủng loại thiết bị camera cho người sử dụng. Các tham số an toàn nhạy cảm phải được lưu trữ an toàn trên bộ nhớ của thiết bị camera. Thiết bị camera sử dụng phải sử dụng các mật mã an toàn để thiết lập kênh giao tiếp an toàn.

Tất cả giao diện mạng và logic của thiết bị camera mà không được sử dụng phải được vô hiệu hóa. Dữ liệu cá nhân nhạy cảm được trao

đổi giữa thiết bị camera và các dịch vụ liên kết phải được bảo vệ bằng cách ứng dụng các mật mã phù hợp với mục đích sử dụng và đặc tính công nghệ. Thiết bị camera phải có chức năng cho phép người sử dụng thu hồi sự đồng ý đối với việc cho phép thiết bị camera thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân. Thiết bị camera có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam./.

(Thanh Thúy)

## DỰ THẢO TIÊU CHUẨN VỀ PHÂN HẠNG NGUY HIỂM CHÁY VÀ CHÁY NỔ CỦA GIAN PHÒNG VÀ NHÀ

**Đây là dự thảo do Viện Khoa học công nghệ xây dựng biên soạn. Theo dự thảo, tiêu chuẩn này quy định các phương pháp xác định các dấu hiệu phân hạng để xếp các gian phòng và nhà (hoặc các khoang cháy, sau đây gọi chung là nhà) có công năng sản xuất và kho (nhóm F5) vào hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ tương ứng.**



Việc phân hạng gian phòng và nhà theo tính nguy hiểm cháy và cháy nổ được áp dụng để xác định các yêu cầu về an toàn cháy, hướng đến việc ngăn chặn các khả năng xảy ra đám cháy và đảm bảo an toàn cháy cho người và tài sản trong trường hợp xảy ra cháy.

Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với các gian phòng và nhà được thiết kế theo các tiêu chuẩn riêng theo trình tự quy định; các nhà có công năng đặc biệt (các nhà và công trình thuộc dây chuyền công nghệ của các cơ sở năng lượng; nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện

nguyên tử; điện gió, điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối; điện khí biogas; điện đồng phát; tháp kiểm soát không lưu; công trình hầm giao thông; tháp đèn biển; nhà sản xuất hoặc bảo quản các chất và vật liệu nổ, tiền chất nổ; các kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, các loại khí dễ cháy, cũng như các chất tự cháy; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, chất lỏng dễ cháy, khí đốt; nhà sản xuất hoặc kho hóa chất độc hại; công trình quốc phòng, an ninh; phần ngầm của công trình tàu điện ngầm; công trình hầm mỏ; và các nhà có đặc điểm tương tự).

Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng được xác định như sau: Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng được quy định trong QCVN 06:2022/BXD cùng Sửa đổi 1:2023.

Việc phân hạng gian phòng được thực hiện bằng cách kiểm tra tuân tự sự phù hợp của gian phòng với các hạng quy định trong bảng 1, từ hạng nguy hiểm nhất (A) đến ít nguy hiểm nhất (E).

Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của nhà được xác định: Hạng của nhà theo tính nguy hiểm cháy và cháy nổ được xác định căn cứ trên tỉ lệ và tổng diện tích các gian phòng thuộc hạng này hay hạng khác trong nhà đó. Nhà được xếp vào hạng A nếu trong nhà, công trình đó có tổng diện tích của các gian phòng hạng A vượt quá 5 % diện tích của tất cả các gian phòng của nhà, hoặc vượt quá 200 m<sup>2</sup>.

Nhà không được xếp vào hạng A nếu tổng diện tích của các gian phòng hạng A trong nhà đó không vượt quá 25 % tổng diện tích của tất cả các gian phòng của nhà (nhưng không vượt quá 1 000 m<sup>2</sup>) và các gian phòng hạng A đó đều được trang bị các thiết bị chữa cháy tự động.

Nhà được xếp vào hạng B nếu đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau: Nhà không thuộc hạng A; Tổng diện tích của các gian phòng hạng A và B vượt quá 5 % tổng diện tích của tất cả các gian phòng của nhà đó hoặc vượt quá 200 m<sup>2</sup>.

Nhà không được xếp vào hạng B nếu tổng diện tích của các gian phòng hạng A và B trong nhà đó không vượt quá 25 % tổng diện tích của tất cả các gian phòng của nhà (nhưng không vượt quá 1000 m<sup>2</sup>) và các gian phòng đó đều được trang bị các thiết bị chữa cháy tự động.

Nhà được xếp vào hạng C nếu đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau: Nhà không thuộc hạng A hoặc B; Tổng diện tích của các gian phòng hạng A, B và C1, C2 và C3 vượt quá 5 % (10 %, nếu trong nhà không có các gian phòng hạng A và B) tổng diện tích của tất cả các gian

phòng của nhà.

Nhà không được xếp vào hạng C nếu tổng diện tích của các gian phòng hạng A, B và C1, C2 và C3 trong nhà, công trình đó không vượt quá 25 % tổng diện tích của tất cả các gian phòng của nhà (nhưng không vượt quá 3 500 m<sup>2</sup>) và các gian phòng đó đều được trang bị các thiết bị chữa cháy tự động.

Nhà được xếp vào hạng D nếu đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau: Nhà không thuộc hạng A, B và C; Tổng diện tích của các gian phòng hạng A, B, C1, C2, C3 và D vượt quá 5 % tổng diện tích của tất cả các gian phòng của nhà, công trình.

Nhà không được xếp vào hạng D nếu tổng diện tích của các gian phòng hạng A, B, C1, C2, C3 và D trong nhà đó không vượt quá 25 % tổng diện tích của tất cả các gian phòng của nhà (nhưng không vượt quá 5 000 m<sup>2</sup>) và các gian phòng hạng A, B, C1, C2 và C3 đều được trang bị các thiết bị chữa cháy tự động. Còn nhà được xếp vào hạng E nếu nó không thuộc các hạng A, B, C hoặc D./.

(Nguyễn Nam)

## LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO QCVN VỀ KỸ THUẬT ĐIỆN - HỆ THỐNG LƯỚI ĐIỆN

**Bộ Công Thương đang lấy ý kiến rộng rãi về dự thảo Quy chuẩn quốc gia về kỹ thuật điện, hệ thống lưới điện.**

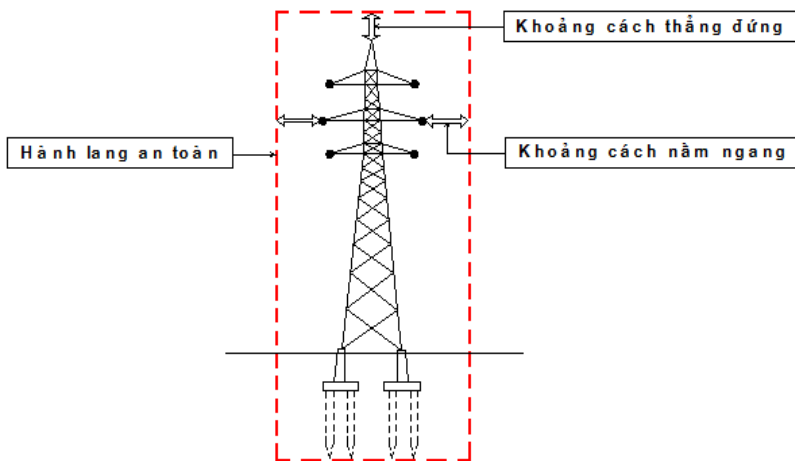
Theo đó, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện - hệ thống lưới điện (gọi tắt là

Quy chuẩn kỹ thuật hệ thống lưới điện) áp dụng cho việc thiết kế, xây dựng mới, cải tạo và vận hành các công trình đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến áp trung gian và phân phối có điện áp đến 500 kV.

Đối với công trình mở rộng, cải tạo phải xem xét phối hợp áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật này với Quy phạm điện đã áp dụng cho công trình đó một cách hợp lý, kinh tế và đảm bảo an toàn.

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho hệ dẫn điện trong nhà và ngoài trời bao gồm:

- Đường cáp điện có điện áp đến 500 kV; Đường

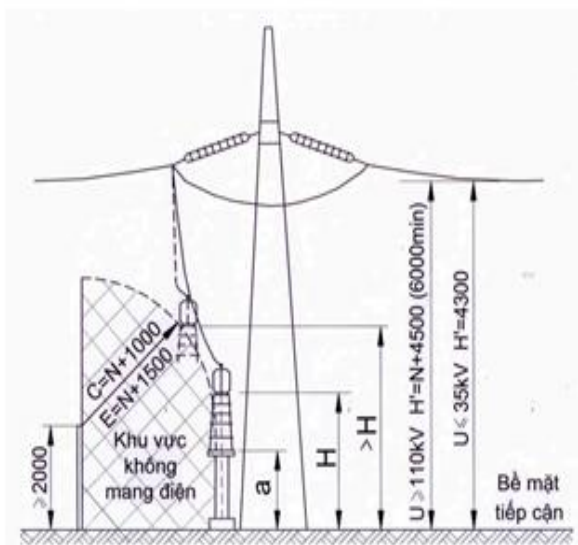


Hình 1.1: Hành lang bảo vệ an toàn của ĐDK

dây truyền tải và phân phối điện có điện áp đến 500 kV; Trạm biến áp và trạm cắt điện có điện áp đến 500 kV kể cả các hệ thống phụ trợ như: hệ thống nối đất, hệ thống điều khiển, bảo vệ và đo lường; Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng cho các dây dẫn đặc biệt cung cấp điện cho thiết bị điện, không áp dụng cho các hệ dẫn điện của đường sắt chạy điện, tàu điện và các ô tô điện, v.v.

Quy chuẩn này gồm có 4 phần, đi kèm các phần là các chương liên quan và các phụ lục kèm theo.

Theo Bộ Công Thương, dự thảo QCVN được xây dựng dựa trên việc rà soát dự thảo QCVN đã được nghiên cứu xây dựng trước đây và bộ quy phạm trang bị điện đã ban hành. Qua quá trình rà soát, dự thảo QCVN được cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế IEC và thực tiễn hoạt động điện lực tại Việt Nam. Bao gồm: Kết quả



Hình 1.2. Khoảng trống giới hạn và chiều cao nhỏ nhất ở hàng rào/tường trạm

nghiên cứu của JICA về quy chuẩn kỹ thuật điện; Các quy phạm kỹ thuật và Quy chuẩn hiện hành ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN và Thông tư số

40/2009/TT-BCT, bao gồm:

- + Quy phạm trang bị điện: Quy định chung;
- + Quy phạm trang bị điện: Hệ thống đường dẫn điện;
- + Quy phạm trang bị điện: Trang bị phân phối và trạm biến áp;
- + Quy phạm trang bị điện: Bảo vệ và Tự động;
- + QCVN QTĐ-5: 2008/BCT - Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện;
- + QCVN QTĐ-6: 2008/BCT - Vận hành, sửa chữa trang thiết bị HTĐ;
- + QCVN QTĐ-7: 2008/BCT - Thi công các công trình điện.
- + Tiêu chuẩn quốc tế (IEC).

Nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được biên tập và hoàn thiện, phù hợp với hiện trạng công nghệ và mô hình quản lý của ngành

điện, điều kiện kinh tế - kỹ thuật của các công trình điện. Sau khi sửa đổi, biên soạn lại, nội dung của QCVN mới đã được cấu trúc đảm bảo tính khoa học, không trái với các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan../.  
(Nguyễn Nhung)

## BỘ XÂY DỰNG CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ THỬ NGHIỆM ĐỐI VỚI QUATEST 2 VÀ QUATEST 3

Ngày 24/01/2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định 80/QĐ-BXD về việc chỉ

định tổ chức chứng nhận/thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường

**Chất lượng 2 (Quatest 2) có trụ sở tại số 97 Lý Thái Tổ, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.**

Thực hiện việc chứng nhận, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, số hiệu QCVN 16:2023/BXD và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo danh mục sau:

Quatest 2 có trách nhiệm thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu; phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày 24/01/2025.

Trước đó, cũng như Quatest 2, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định 40/QĐ-BXD về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quatest 3) có trụ sở tại số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện việc thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, số hiệu QCVN 16:2023/BXD và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, gồm: Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng; Xi hạt lò cao; Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông vữa xây và xi măng; Gạch gốm ốp lát; Chậu rửa; Bồn tiểu nam treo tường; Bồn tiểu nữ; Bê xi bê; Kính nổi; Kính phẳng tôi nhiệt; Kính màu hấp thụ nhiệt; Kính phủ phản quang; Kính phủ bức xạ thấp; Kính hộp gắn kín cách nhiệt; Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp.

Quatest 2 có trách nhiệm thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu; phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày 17/01/2025./.

0

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Chỉ định thực hiện chứng nhận	Chỉ định thực hiện thử nghiệm
1	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng	Có	Không
2	Xi hạt lò cao	Có	Không
3	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông vữa xây và xi măng	Có	Không
4	Gạch gốm ốp lát	Có	Có
5	Chậu rửa	Có	Có
6	Bồn tiểu nam treo tường	Có	Có
7	Bồn tiểu nữ	Có	Có
8	Bê xi bê	Có	Có
9	Kính nổi	Có	Có
10	Kính phẳng tôi nhiệt	Có	Có
11	Kính màu hấp thụ nhiệt	Có	Có
12	Kính phủ phản quang	Có	Có
13	Kính phủ bức xạ thấp	Có	Không
14	Kính hộp gắn kín cách nhiệt	Có	Có
15	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp	Có	Có

## CƠ SỞ BẢO DƯỠNG XE CƠ GIỚI PHẢI “ĐĂNG KIỂM” THEO QCVN 121:2024/BGTVT

Theo QCVN 121:2024/BGTVT (có hiệu lực từ 1/1/2025), cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới (ô tô, xe máy) trước khi đưa vào hoạt động phải được công bố phù hợp quy chuẩn ấ.



QCVN 121:2024/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024.

Theo định nghĩa tại QCVN 121:2024/BGTVT, cơ sở bảo hành, bảo dưỡng là cơ sở được doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ủy quyền, chỉ định hoặc công bố là cơ sở thực hiện việc bảo hành, bảo dưỡng cho các xe do doanh nghiệp đó sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu để kinh doanh tại Việt Nam. Quy chuẩn không áp dụng đối với cơ sở bảo hành, bảo dưỡng các xe cơ giới sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Theo đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam (Bộ GTVT), việc đánh giá và chứng nhận phù hợp quy chuẩn được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp do Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ định, theo quy định của pháp luật về Chất lượng sản phẩm hàng hóa, pháp luật về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Sau đó, cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộp hồ sơ đăng ký

công bố hợp quy chuẩn tại Sở Giao thông vận tải địa phương.

Việc đánh giá, chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới phù hợp quy chuẩn này thực hiện theo phương thức 8 quy định tại điểm h khoản 1 Điều 5 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Kết quả đánh giá, chứng nhận sự phù hợp với Quy chuẩn này có hiệu lực trong thời hạn 36 tháng.

Điều này được hiểu như việc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới phải qua "đăng kiểm" để được cấp chứng nhận phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi đi vào hoạt động. Tuy nhiên, quy chuẩn cũng đề ra lộ trình 3 năm để các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô; cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe mô tô, xe gắn máy thực hiện đầy đủ nội dung của quy chuẩn.

Cụ thể, các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đã được doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô công bố là cơ sở bảo hành, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật; cơ sở bảo hành, bảo dưỡng mô tô, xe gắn máy đã thực hiện việc bảo hành, bảo dưỡng theo ủy quyền, chỉ định hoặc công bố của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe trước ngày 1/1/2025 thì từ ngày 1/1/2028 mới phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại quy chuẩn trên.

Quy chuẩn này không chỉ giúp nâng cao chất lượng phương tiện, hướng đến phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp mà còn mang đến luồng gió mới hướng doanh nghiệp phát triển tốt hơn. Ngược lại, về phía các doanh nghiệp cần phải chủ động thay đổi, ngay từ nhận thức đến quá trình triển khai để đáp ứng quy định tại quy chuẩn./.

(Minh Trang)

## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 01/2025

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 11511:2024**

Rau đông lạnh nhanh

Số trang:69

**TCVN 12197:2024**

An toàn thông tin. Mã hóa có xác thực

Số trang:30

Thay thế:TCVN 12197:2018

**TCVN 13918-2:2024**

Thanh nâng xây dựng vận chuyển hàng. Phần 2: Thanh nâng nghiêng với thiết bị mang tải không thể tiếp cận đượ

Số trang:38

**TCVN 13919:2024**

Thang nâng xây dựng vận chuyển người và vật liệu bằng ca bin với dẫn hướng thẳng đứng

Số trang:59

**TCVN 14172:2024**Phân bón – Phương pháp định lượng *Streptomyces lydicus* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc

Số trang:21

**TCVN 14173:2024**Thuốc bảo vệ thực vật – Phương pháp định lượng *Streptomyces lydicus* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc

Số trang:21

**TCVN 14174:2024**Phân bón – Phương pháp định lượng *Bacillus amyloliquefaciens* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc

Số trang:20

**TCVN 14175:2024**Thuốc bảo vệ thực vật – Phương pháp định lượng *Bacillus amyloliquefaciens* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc

Số trang:20

**TCVN 14176-2:2024**

Công trình xây dựng. Tổ chức thông tin về công trình xây dựng. Phần 2: Khung phân loại

Số trang:32

**TCVN 14177-1:2024**

Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 1: Khái niệm và nguyên tắc

Số trang:41

**TCVN 14177-2:2024**

Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 2: Giai đoạn chuyển giao tài sản

Số trang:48

**TCVN 14179:2024**

Hệ thống thu phí điện tử. Yêu cầu và biện pháp an toàn thông tin. Công nghệ nhận dạng tần số vô tuyến

Số trang:34

**TCVN 14190-1:2024**

An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp luận đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 1: Khung

Số trang:77

**TCVN 14190-2:2024**

An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 2: Hiệu suất nhận dạng sinh trắc học

Số trang:47

**TCVN 14190-3:2024**

An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 3: Phát hiện tấn công trình diện

Số trang:28

**TCVN 14191-1:2024**

An toàn thông tin. Biên tập lại dữ liệu xác thực. Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:19

**TCVN 14192-1:2024**

Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về công cụ kiểm thử và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm thử để sử dụng trong kiểm thử các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô- đun mật mã – Phần 1: Công cụ và kỹ thuật kiểm thử

Số trang:22

**TCVN 14192-2:2024**

Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về công cụ kiểm thử và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm thử để sử dụng trong kiểm thử các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô- đun mật mã – Phần 2: Phương pháp và phương tiện hiệu chuẩn kiểm thử

Số trang:22

**TCVN 14203:2024**

Mẫu tiêu bản côn trùng. Các yêu cầu

Số trang:20

**TCVN 14204-1:2024**

Phương pháp điều tra trữ lượng rừng trên cạn. Phần 1: Rừng trồng

Số trang:22

<b>TCVN 14204-2:2024</b> Phương pháp điều tra trữ lượng rừng trên cạn. Phần 2: Rừng tự nhiên Số trang:23	Số trang:49 <b>TCVN 14214:2024</b> Nhà ở và công trình công cộng. Các yêu cầu đối với thống số vi khí hậu trong phòng Số trang:28	Quy phạm thực hành vệ sinh đối với sản phẩm rau quả đóng hộp Số trang:13
<b>TCVN 14205-1:2024</b> Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá Số trang:40	<b>TCVN 14215:2024</b> Phân bón – Định lượng Saccharomyces sp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc Số trang:18	<b>TCVN 14233:2024</b> Quy phạm thực hành vệ sinh đối với quả khô Số trang:13
<b>TCVN 14205-2:2024</b> Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 2: Kiểm tra ray bằng dòng điện xoáy Số trang:29	<b>TCVN 14216:2024</b> Phân bón. Định lượng Streptomyces spp. Bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc Số trang:22	<b>TCVN 14234:2024</b> Quả khô. Xác định độ ẩm. Phương pháp sấy chân không Số trang:7
<b>TCVN 14205-3:2024</b> Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 3: Yêu cầu để xác định các khuyết tật bên trong và trên bề mặt ray Số trang:34	<b>TCVN 14223-1:2024</b> Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng. Yêu cầu an toàn. Phần 1: Thiết bị lưu giữ, xếp dỡ và vận chuyển trong nhà máy Số trang:50	<b>TCVN 14235:2024</b> Thực phẩm – Xác định gluten thủy phân từng phần trong sản phẩm lên men có nguồn gốc từ ngũ cốc và đậu đỗ – Phương pháp ELISA cạnh tranh R5 Số trang:17
<b>TCVN 14205-4:2024</b> Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 4: Trình độ của nhân sự thử không phá hủy ray Số trang:28	<b>TCVN 14223-2:2024</b> Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 2: Thiết bị lưu giữ, xếp dỡ và vận chuyển ngoài nhà máy Số trang:23	<b>TCVN 14236:2024</b> Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm nhiễm asen trong gạo Số trang:9
<b>TCVN 14212:2024</b> Móng cần trục tháp. Thiết kế, thi công và nghiệm thu Số trang:32	<b>TCVN 14223-3:2024</b> Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng. Yêu cầu an toàn. Phần 3: Máy cắt kính Số trang:29	<b>TCVN 14237-1:2024</b> Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc. Xác định độ ẩm. Phần 1: Phương pháp chuẩn Số trang:21
<b>TCVN 14213-1:2024</b> Tường BARRETTE. Phần 1: Yêu cầu thiết kế thi công Số trang:97	<b>TCVN 14223-4:2024</b> Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng. Yêu cầu an toàn. Phần 4: Bàn lật kính Số trang:22	<b>TCVN 14238:2024</b> Gạo. Đánh giá thời gian hồ hóa của hạt gạo trong khi nấu Số trang:13
<b>TCVN 14213-2:2024</b> Tường BARRETTE. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật thi công	<b>TCVN 14231:2024</b> Rau muối chua. Các yêu cầu và phương pháp thử Số trang:10	<b>TCVN 14241-1:2024</b> Giống chó nội. Phần 1: Chó Hmông cộc đuôi Số trang:22
	<b>TCVN 14232:2024</b>	<b>TCVN 14241-2:2024</b> Giống chó nội. Phần 2: Chó sông Mã Số trang:23
		<b>TCVN 14243:2024</b> Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng Urê và nitơ amoniac. Phương pháp UREAZA Số trang:13
		<b>TCVN 14244:2024</b>

Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng NITƠ NITRAT và NITƠ NITRIT. Phương pháp đo màu

Số trang:11

**TCVN 14248:2024**

Thiết bị phát tia plasma lạnh dùng trong điều trị vết thương

Số trang:17

**TCVN 14262:2024**

Phân bón. Định lượng

Lactobacillus

plantarum/Lactobacillus

acidophilus bằng kỹ thuật đếm

khuẩn lạc và real-time PCR

Số trang:18

**TCVN 14263:2024**

Công nghệ thông tin. Kỹ thuật an toàn. Thuật toán mã khối MKV

Số trang:48

**TCVN 14264-1:2024**

Phúc lợi động vật. Chăn nuôi.

Phần 1: Trâu, bò

Số trang:12

**TCVN 4846:2024**

Ngô. Xác định độ ẩm của ngô xay và ngô hạt

Số trang:32

Thay thế:TCVN 4846:1989

**TCVN 5575:2024**

Thiết kế kết cấu thép

Số trang:248

Thay thế:TCVN 5575:2012.

**TCVN 5746:2024**

Đất, đá xây dựng. Phân loại

Số trang:58

Thay thế:TCVN 5746:1993

**TCVN 6125:2020**

Dầu mỡ động vật và thực vật.

Xác định hàm lượng tạp chất

không tan

Số trang:11

Thay thế:TCVN 6125:2010

**TCVN 7595:2024**

Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc –

Xác định ochratoxin A – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao làm sạch bằng cột ái lực miễn dịch và sử dụng detector huỳnh quang

Số trang:18

Thay thế:TCVN 7595-1:2007,

TCVN 7595-2:2007

**TCVN 9311-1:2024**

Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 1: Các yêu cầu chung

Số trang:39

Thay thế:TCVN 9311-1:2012

**TCVN 9401:2024**

Kỹ thuật đo và xử lý số liệu

GNSS trong trắc địa công trình

Số trang:61

Thay thế:TCVN 9401:2012

**TCVN 9474:2024**

Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng tro không tan trong axit Clohydric

Số trang:12

Thay thế:TCVN 9474:2012

**TCVN 9994:2024**

Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi

Số trang:67

Thay thế:TCVN 9994:2013

## ❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

**ISO 10218-1:2025**

Robotics — Safety requirements

Part 1: Industrial robots

Pages: 95

Replaces: ISO 10218-1:2011

**ISO 10218-2:2025**

Robotics — Safety

requirementsPart 2: Industrial

robot applications and robot

cells

Pages: 223

Replaces: ISO 10218-2:2011

**ISO 10350-1:2025**

Plastics — Acquisition and presentation of comparable single-point dataPart 1:

Moulding materials

Pages: 10

Replaces: ISO 10350-1:2017

**ISO 10993-4:2017/Amd 1:2025**

Biological evaluation of medical

devices — Part 4: Selection of

tests for interactions with

bloodAmendment 1

Pages: 7

**ISO 11118:2025**

Gas cylinders — Non-refillable

metallic gas cylinders —

Specification and test methods

Pages: 34

**ISO 11126-11:2025**

Preparation of steel substrates

before application of paints and

related products —

Specifications for non-metallic

blast-cleaning abrasivesPart 11:

Volcanic lava

Pages: 4

**ISO 11778:2025**

Brand evaluation — Tourism

city

Pages: 7

**ISO 11908:2025**

Binders for paints and varnishes

— Amino resins — General

methods of test

Pages: 5

**ISO 11983:2025**

Road vehicles — Safety glazing

materials — Test methods for

electro-switchable glazing

Pages: 14

**ISO 12046:2025**

Synchronous belt drives —

Automotive belts —

Determination of physical

properties

Pages: 11	Pages: 27	Pages: 13
Replaces: ISO 12046:2012	<b>ISO 14574:2025</b>	<b>ISO 16281:2025</b>
<b>ISO 12370:2025</b>	Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Mechanical properties of ceramic composites at high temperature — Determination of tensile properties	Rolling bearings — Methods for calculating the modified reference rating life for universally loaded rolling bearings
Guidelines for treatment and reuse of fermentation-based pharmaceutical wastewater	Pages: 26	Pages: 36
Pages: 17	Replaces: ISO 14574:2013	Replaces: ISO/TS 16281:2008
<b>ISO 13315-2:2025</b>	<b>ISO 14903:2025</b>	<b>ISO 16484-2:2025</b>
Environmental management for concrete and concrete structuresPart 2: System boundary and inventory data	Refrigerating systems and heat pumps — Qualification of tightness of components and joints	Building automation and control systems (BACS) Part 2: Hardware
Pages: 28	Pages: 29	Pages: 15
<b>ISO 13317-5:2025</b>	Replaces: ISO 14903:2017	Replaces: ISO 16484-2:2004
Determination of particle size distribution by gravitational liquid sedimentation methodsPart 5: Photosedimentation techniques	<b>ISO 15016:2025</b>	<b>ISO 16486-3:2025</b>
Pages: 54	Ships and marine technology — Specifications for the assessment of speed and power performance by analysis of speed trial data	Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels — Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing Part 3: Fittings
<b>ISO 13628-1:2025</b>	Pages: 126	Pages: 20
Oil and gas industries including low carbon energy — Design and operation of subsea production systemsPart 1: General requirements and recommendations	Replaces: ISO 15016:2015	Replaces: ISO 16486-3:2020
Pages: 34	<b>ISO 15104:2025</b>	<b>ISO 16520:2025</b>
Replaces: ISO 13628-1:2005/Amd 1:2010	Space systems — Environmental testing for spacecraft thermal control materials	Tourism and related services — Restaurants and catering — Vocabulary
<b>ISO 14343:2025</b>	Pages: 23	Pages: 15
Welding consumables — Wire electrodes, strip electrodes, wires and rods for arc welding of stainless and heat resisting steels — Classification	<b>ISO 15708-2:2025</b>	<b>ISO 16677-1:2025</b>
Pages: 20	Non-destructive testing — Radiation methods for computed tomography Part 2: Principles, equipment and samples	Biobanking — Germplasm Part 1: Agricultural animal species
<b>ISO 14544:2025</b>	Pages: 16	Pages: 12
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Mechanical properties of ceramic composites at high temperature — Determination of compressive properties	Replaces: ISO 15708-2:2017	<b>ISO 16823:2025</b>
	<b>ISO 16173:2025</b>	Non-destructive testing — Ultrasonic testing — Through-transmission technique
	Ships and marine technology — Jacking system appliances on self-elevating unit — Rack pinion leg fixation system	Pages: 12
		Replaces: ISO 16823:2012
		<b>ISO 16830:2025</b>
		Specification of bamboo drinking straws
		Pages: 10
		<b>ISO 16900-11:2025</b>

- Respiratory protective devices — Methods of test and test equipment  
Part 11: Determination of field of vision  
Pages: 8  
Replaces: ISO 16900-11:2013  
**ISO 16900-6:2021/Amd 1:2025**  
Respiratory protective devices — Methods of test and test equipment — Part 6: Mechanical resistance/strength of components and connections  
Amendment 1  
Pages: 1  
**ISO 17715:2025**  
Flour from wheat (*Triticum aestivum* L.) — Amperometric method for starch damage measurement  
Pages: 14  
Replaces: ISO 17715:2013  
**ISO 17956:2025**  
Rolling bearings — Method for calculating the effective static safety factor for universally loaded rolling bearings  
Pages: 10  
**ISO 18363-2:2025**  
Animal and vegetable fats and oils — Determination of fatty-acid-bound chloropropanediols (MCPDs) and glycidol by GC/MS  
Part 2: Method using slow alkaline transesterification and measurement for 2-MCPD, 3-MCPD and glycidol  
Pages: 21  
Replaces: ISO 18363-2:2018  
**ISO 18436-3:2025**  
Condition monitoring and diagnostics of machines — Requirements for training and certification of personnel  
Part 3: Requirements for training bodies and the training process  
Pages: 11  
Replaces: ISO 18436-3:2012  
**ISO 18878:2025**  
Mobile elevating work platforms — Operator training  
Pages: 14  
Replaces: ISO 18878:2013  
**ISO 19168-1:2025**  
Geographic information — Geospatial API for features  
Part 1: Core  
Pages: 59  
Replaces: ISO 19168-1:2020  
**ISO 19350:2025**  
Recycled carbon fibre — Determination of tensile strength distribution and interfacial shear strength of single filament embedded in matrix polymer  
Pages: 10  
**ISO 19618:2025**  
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Measurement method for normal spectral emissivity using blackbody reference with an FTIR spectrometer  
Pages: 13  
Replaces: ISO 19618:2017  
**ISO 19650-6:2025**  
Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM) — Information management using building information modelling  
Part 6: Health and safety information  
Pages: 24  
**ISO 19880-2:2025**  
Gaseous hydrogen — Fuelling stations  
Part 2: Dispensers and dispensing systems  
Pages: 35  
**ISO 19952:2025**  
Footwear — Vocabulary  
Pages: 51  
**ISO 20468-9:2025**  
Performance evaluation of treatment technologies for water reuse systems  
Part 9: Guidelines and requirements for electro-chlorination  
Pages: 13  
**ISO 20537:2025**  
Footwear — Identification of defects during visual inspection — Vocabulary  
Pages: 31  
**ISO 20553:2025**  
Radiation protection — Monitoring of workers occupationally exposed to a risk of internal contamination with radioactive material  
Pages: 27  
Replaces: ISO 20553:2006  
**ISO 20679:2025**  
Ships and marine technology — Marine environment protection — Testing of ship biofouling in-water cleaning systems  
Pages: 37  
**ISO 21036:2025**  
Plastics piping systems for industrial applications — Unplasticized polyamide (PA-U) — Metric series for specifications for components and system  
Pages: 34  
**ISO 21120:2025**

<p>Machinery for forestry — Forestry mulching equipment — Terms, definitions and commercial specifications Pages: 18 <b>ISO 21219-21:2025</b></p> <p>Intelligent transport systems — Traffic and travel information (TTI) via transport protocol experts group, generation 2 (TPEG2) Part 21: Geographic location referencing (TPEG-GLR) Pages: 29 Replaces: ISO/TS 21219- 21:2018 <b>ISO 22765:2025</b></p> <p>Nuclear fuel technology — Sintered (U,Pu)O<sub>2</sub> pellets — Guidance for ceramographic preparation for microstructure examination Pages: 7 Replaces: ISO 22765:2016 <b>ISO 22854:2025</b></p> <p>Liquid petroleum products — Determination of hydrocarbon types and oxygenates in automotive-motor gasoline and in ethanol (E85) automotive fuel — Multidimensional gas chromatography method Pages: 27 Replaces: ISO 22854:2021 <b>ISO 22863-13:2025</b></p> <p>Fireworks — Test methods for determination of specific chemical substances Part 13: Qualitative detection of elemental metals in firework compositions Pages: 4 <b>ISO 22899-3:2025</b></p> <p>Determination of the resistance to jet fires of passive fire protection materials</p>	<p>Part 3: Extended test requirements Pages: 38 <b>ISO 24617-12:2025</b></p> <p>Language resource management — Semantic annotation framework (SemAF) Part 12: Quantification Pages: 43 <b>ISO 2475:2025</b></p> <p>Chloroprene rubber (CR) — General-purpose types — Evaluation procedure Pages: 13 Replaces: ISO 2475:2011 <b>ISO 25062:2025</b></p> <p>Systems and software engineering — Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuaRE) — Common Industry Format (CIF) for reporting usability evaluations Pages: 30 <b>ISO 29541:2025</b></p> <p>Coal and coke — Determination of total carbon, hydrogen and nitrogen — Instrumental method Pages: 10 Replaces: ISO 29541:2010 <b>ISO 32000-2:2020/DAmD 1</b></p> <p>Document management — Portable document format — Part 2: PDF 2.0 Amendment 1 Pages: 5 <b>ISO 32112:2025</b></p> <p>Transaction assurance in E- commerce — Relevant factors of evaluation and selection of indicators Pages: 19 <b>ISO 3506-3:2025</b></p> <p>Fasteners — Mechanical properties of corrosion resistant stainless steel fasteners</p>	<p>Part 3: Set screws (and similar fasteners not under tensile stress) with specified grades and hardness classes Pages: 12 Replaces: ISO 3506-3:2009 <b>ISO 3506-4:2025</b></p> <p>Fasteners — Mechanical properties of corrosion- resistant stainless steel fasteners Part 4: Tapping screws with specified grades and hardness classes Pages: 13 Replaces: ISO 3506-4:2009 <b>ISO 3518:2025</b></p> <p>Essential oil of sandalwood (Santalum album L.) Pages: 6 Replaces: ISO 3518:2022 <b>ISO 4254-20:2025</b></p> <p>Agricultural machinery — Safety Part 20: Grape, olives and coffee harvesters Pages: 17 <b>ISO 4301-5:2025</b></p> <p>Cranes — Classification Part 5: Bridge and gantry cranes Pages: 7 Replaces: ISO 4301-5:1991 <b>ISO 4345:2025</b></p> <p>Steel wire ropes — Fibre main cores — Specifications Pages: 13 <b>ISO 5078:2025</b></p> <p>Management of terminology resources — Terminology extraction Pages: 23 <b>ISO 5273:2025</b></p> <p>Passenger car tyres — Preparation method for an</p>
--	---	--

- artificially worn state for wet grip testing  
Pages: 12  
**ISO 5284:2025**  
Conveyor belts — List of equivalent terms  
Pages: 16  
**ISO 5530-1:2025**  
Wheat flour — Physical characteristics of doughs  
Part 1: Determination of water absorption and rheological properties using a farinograph  
Pages: 39  
Replaces: ISO 5530-1:2013  
**ISO 5530-2:2025**  
Wheat flour — Physical characteristics of doughs  
Part 2: Determination of rheological properties using an extensograph  
Pages: 54  
Replaces: ISO 5530-2:2012  
**ISO 56000:2025**  
Innovation management — Fundamentals and vocabulary  
Pages: 30  
Replaces: ISO 56000:2020  
**ISO 5700:2025**  
Tractors for agriculture and forestry — Roll-over protective structures — Static test method and acceptance conditions  
Pages: 38  
Replaces: ISO 5700:2013  
**ISO 5801:2017/Amd 1:2025**  
Fans — Performance testing using standardized airways  
Amendment 1  
Pages: 9  
**ISO 59040:2025**  
Circular economy — Product circularity data sheet  
Pages: 45  
**ISO 6489-5:2019/Amd 1:2025**  
Agricultural vehicles — Mechanical connections between towed and towing vehicles — Part 5: Specifications for non-swivel clevis couplings  
Amendment 1  
Pages: 2  
**ISO 6579-4:2025**  
Microbiology of the food chain — Horizontal method for the detection, enumeration and serotyping of Salmonella  
Part 4: Identification of monophasic Salmonella Typhimurium (1,4,[5],12:i:-) by polymerase chain reaction (PCR)  
Pages: 32  
**ISO 6900:2025**  
Dried red jujubes — Specification and test methods  
Pages: 13  
**ISO 7692:2025**  
Ferrotitanium — Determination of titanium content — Titrimetric method  
Pages: 12  
Replaces: ISO 7692:1983  
**ISO 7711-1:2021/Amd 1:2025**  
Dentistry — Diamond rotary instruments — Part 1: General requirements  
Amendment 1  
Pages: 1  
**ISO 7718-2:2025**  
Aircraft — Passenger doors interface requirements for connection of passenger boarding bridge or passenger transfer vehicle  
Part 2: Upper deck doors  
Pages: 4  
Replaces: ISO 7718-2:2016  
**ISO 8601-2:2019/Amd 1:2025**  
Date and time — Representations for information interchange — Part 2: Extensions  
Amendment 1: Canonical expressions, extensions to time scale components and date time arithmetic  
Pages: 13  
**ISO 9466:2025**  
Railway applications — Coating of passenger rail vehicles  
Pages: 41  
**ISO/ASTM TS 52949:2025**  
Additive manufacturing of metals — Qualification principles — Installation, operation and performance (IQ/OQ/PQ) of PBF-EB equipment  
Pages: 6  
**ISO/CIE 8995-1:2025**  
Light and lighting — Lighting of work places  
Part 1: Indoor  
Pages: 109  
Replaces: ISO 8995-1:2002/Cor 1:2005  
**ISO/IEC 14496-15:2024/Amd 1:2025**  
Information technology — Coding of audio-visual objects — Part 15: Carriage of network abstraction layer (NAL) unit structured video in the ISO base media file format  
Amendment 1: Support for neural-network post-filter supplemental enhancement information and other improvements  
Pages: 9  
**ISO/IEC 15416:2025**  
Automatic identification and data capture techniques — Bar code print quality test specification — Linear symbols  
Pages: 38

Replaces: ISO/IEC 15416:2016

**ISO/IEC 15434:2025**

Information technology —  
Automatic identification and  
data capture techniques —  
Syntax for high-capacity ADC  
media

Pages: 31

**ISO/IEC 18031:2025**

Information technology —  
Security techniques — Random  
bit generation

Pages: 94

**ISO/IEC 18046-5:2025**

Information technology —  
Radio frequency identification  
device performance test  
methods

Part 5: Test methods for the  
environmental characteristics of  
RFID tags used in sporting  
goods

Pages: 23

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**IEC 60086-4:2025 CMV**

Primary batteries - Part 4:  
Safety of lithium batteries

Pages: 159

Replaces: IEC 60086-  
4:2019/ISH1:2020

**IEC 60086-4:2025**

Primary batteries - Part 4:  
Safety of lithium batteries

Pages: 103

**IEC 60092:2025 SER**

Electrical installations in ships -  
ALL PARTS

Pages: 52

Replaces: IEC 60156:2018

**IEC 60156:2025 RLV**

Insulating liquids -  
Determination of the  
breakdown voltage at power  
frequency - Test method

Pages: 33

**IEC 60156:2025**

Insulating liquids -  
Determination of the  
breakdown voltage at power  
frequency - Test method

Pages: 36

Replaces: IEC 60156:2018

**IEC 60335-2-24:2025 PRV**

Household and similar electrical  
appliances - Safety - Part 2-24:  
Particular requirements for  
refrigerating appliances, ice-  
cream appliances and ice  
makers

Pages: 71

Replaces: IEC 60335-2-  
24:2020/COR1:2021

**IEC 60335-2-44:2021+  
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical  
appliances - Safety - Part 2-44:  
Particular requirements for  
ironers

Pages: 45

Replaces: IEC 60335-2-  
44:2002+AMD1:2008+AMD2:20  
11 CSV

**IEC 60335-2-44:2021/  
AMD1:2025**

Amendment 1 - Household and  
similar electrical appliances -  
Safety - Part 2-44: Particular  
requirements for ironers

Pages: 8

Replaces: IEC 60335-2-  
44:2002+AMD1:2008+AMD2:20  
11 CSV

**IEC 60335-2-78:2021+  
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical  
appliances - Safety - Part 2-78:  
Particular requirements for  
outdoor barbecues

Pages: 36

Replaces: IEC 60335-2-  
78:2002+AMD1:2008+AMD2:20  
19 CSV

**IEC 60335-2-78:2021/  
AMD1:2025**

Amendment 1 - Household and  
similar electrical appliances -  
Safety - Part 2-78: Particular  
requirements for outdoor  
barbecues

Pages: 8

Replaces: IEC 60335-2-  
78:2002+AMD1:2008+AMD2:20  
19 CSV

**IEC 60335-2-118:2025 PRV**

Household and similar electrical  
appliances - Safety - Part 2-118:  
Particular requirements for  
professional ice-cream makers

Pages: 62

Replaces: IEC 60335-2-  
118:2020/COR1:2021

**IEC 60335-2-119:2021+  
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical  
appliances - Safety - Part 2-119:  
Particular requirements for  
commercial vacuum packaging  
appliances

Pages: 42

**IEC 60335-2-119:2021/  
AMD1:2025**

Amendment 1 - Household and  
similar electrical appliances -  
Safety - Part 2-119: Particular  
requirements for commercial  
vacuum packaging appliances

Pages: 6

**IEC 60350-1/AMD1:2025 PRV**

Amendment 1 - Household  
electric cooking appliances -  
Part 1: Ranges, ovens, steam  
ovens and grills - Methods for  
measuring performance

Pages: 17

Replaces: IEC 60350-1:2023

**IEC 60601-2-68:2025 RLV**

Medical electrical equipment -  
Part 2-68: Particular  
requirements for the basic

safety and essential performance of X-ray-based image-guided radiotherapy equipment for use with electron accelerators, light ion beam therapy equipment and radionuclide beam therapy equipment Pages: 237	<b>IEC 60704-2-4:2025</b> Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-4: Particular requirements for washing machines and spin extractors Pages: 37 Replaces: IEC 60704-2-4:2011	Pneumatic resistance, Method F8 Pages: 8
<b>IEC 60601-2-68:2025</b> Medical electrical equipment - Part 2-68: Particular requirements for the basic safety and essential performance of X-ray-based image-guided radiotherapy equipment for use with electron accelerators, light ion beam therapy equipment and radionuclide beam therapy equipment Pages: 155 Replaces: IEC 60601-2-68:2014	<b>IEC 60704-2-11:2025 PRV</b> Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-11: Particular requirements for electrically-operated food preparation appliances Pages: 17	<b>IEC 60794-1-216:2025 PRV</b> Optical fibre cables - Part 1-216: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods - Compound flow (drip), Method F16 Pages: 9
<b>IEC 60684-2:2025 PRV</b> Flexible insulating sleeving - Part 2: Methods of test Pages: 99	<b>IEC 60721-3-6:2025 PRV</b> Classification of environmental conditions - Part 3-6: Classification of groups of environmental parameters and their severities - Ship environments Pages: 16	<b>IEC 60879/AMD1:2025 PRV</b> Amendment 1 - Comfort fans and regulators for household and similar purposes - Methods for measuring performance Pages: 6
<b>IEC 60684-3-281:2025 PRV</b> Flexible insulating sleeving - Part 3: Specifications for individual types of sleeving - Sheet 281: Heat-shrinkable, polyolefin sleeving, semiconductive Pages: 11 Replaces: IEC 60684-3-281:2010	<b>IEC 60730-2-14:2025 PRV</b> Automatic electrical controls - Part 2-14: Particular requirements for electric actuators Pages: 25	<b>IEC 60884-2-8:2025 PRV</b> Plugs and socket-outlets for household and similar purposes - Part 2-8: Particular requirements for socket-outlets for furniture Pages: 32
<b>IEC 60684-3-282:2025 PRV</b> Flexible insulating sleeving - Part 3: Specifications for individual types of sleeving - Sheet 282: Heat-shrinkable, polyolefin sleeving - Stress control Pages: 11	<b>IEC 60749-34-1:2025 PRV</b> Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 34-1: Power cycling test for power semiconductor module Pages: 28	<b>IEC 60911:2025 PRV</b> Nuclear power plants - Instrumentation systems - Measurements for monitoring adequate cooling within the core of pressurized light water reactors Pages: 45
	<b>IEC 60794-1-208:2025 PRV</b> Optical fibre cables - Part 1-208: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods -	<b>IEC 60947-3/AMD1:2025 PRV</b> Amendment 1 - Low-voltage switchgear and controlgear - Part 3: Switches, disconnectors, switch-disconnectors and fuse-combination units Pages: 24 Replaces: IEC 60947-3:2020/COR1:2021
		<b>IEC 60947-7-1:2025 PRV</b> Low-voltage switchgear and controlgear - Part 7-1: Ancillary

<p>equipment - Terminal blocks for copper conductors Pages: 49 Replaces: IEC 60947-7-1:2009 <b>IEC 61076-8-111:2025</b> Connectors for electrical and electronic equipment – Product requirements - Part 8-111: Power connectors – Detail specification for 3-pole snap locking rectangular connectors with IP65/IP67 plastic housing for rated current of 20 A Pages: 31 <b>IEC 61076-8-112:2025</b> Connectors for electrical and electronic equipment – Product requirements - Part 8-112: Power connectors – Detail specification for 2-pole snap locking rectangular connectors with IP65/IP67 plastic housing for rated current of 50 A Pages: 30 <b>IEC 61131-3:2025 PRV</b> Programmable controllers – Part 3: Programming languages Pages: 252 <b>IEC 61196-1-108:2025</b> Coaxial communication cables - Part 1-108: Electrical test methods - Test for phase, phase constant, phase and group delay, propagation velocity, electrical length, and mean characteristic impedance Pages: 18 <b>IEC 61203:2025 PRV</b> Synthetic organic esters - Guidelines for maintenance and use in electrical equipment Pages: 35 <b>IEC 61400-3-2:2025</b> Wind energy generation systems - Part 3-2: Design</p>	<p>requirements for floating offshore wind turbines Pages: 345 <b>IEC 61554:2025 PRV</b> Panel mounted equipment - Electrical measuring instruments - Dimensions for panel mounting Pages: 15 <b>IEC 61669:2015+AMD1:2025 CSV</b> Electroacoustics - Measurement of real-ear acoustical performance characteristics of hearing aids Pages: 72 <b>IEC 61669:2015/AMD1:2025</b> Amendment 1 - Electroacoustics - Measurement of real-ear acoustical performance characteristics of hearing aids Pages: 8 <b>IEC 61846:2025</b> Ultrasonics – Therapeutic focused short pressure pulse sources – Characteristics of fields Pages: 80 <b>IEC 61987-100:2025</b> Industrial-process measurement and control – Data structures and elements in process equipment catalogues – Part 100: Data base standard for process measurement, control and automation equipment Pages: 17 <b>IEC 62037-3:2025 PRV</b> Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 3: Measurement of passive intermodulation in coaxial connectors Pages: 10</p>	<p>Replaces: IEC 62037-3:2021 <b>IEC 62037-8:2025 PRV</b> Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 8: Measurement of passive intermodulation generated by objects exposed to RF radiation Pages: 12 Replaces: IEC 62037-8:2022 <b>IEC 62047-45:2025 PRV</b> Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 45: Silicon based MEMS fabrication technology - Measurement method of impact resistance of nanostructures Pages: 15 <b>IEC 62217:2025 PRV</b> Polymeric HV insulators for indoor and outdoor use - General definitions, test methods and acceptance criteria Pages: 36 Replaces: IEC 62217:2012 <b>IEC TS 62257-9-8:2025 RLV</b> Renewable energy off-grid systems - Part 9-8: Integrated systems - Requirements for stand-alone renewable energy products with power ratings less than or equal to 350 W Pages: 174 <b>IEC TS 62257-9-8:2025</b> Renewable energy off-grid systems - Part 9-8: Integrated systems - Requirements for stand-alone renewable energy products with power ratings less than or equal to 350 W Pages: 77 Replaces: IEC TS 62257-9-8:2020 <b>IEC TS 62443-6-2:2025</b></p>
--	---	--

Security for industrial automation and control systems - Part 6-2: Security evaluation methodology for IEC 62443-4-2 Pages: 62 <b>IEC 62813:2025 RLV</b> Lithium ion capacitors for use in electric and electronic equipment - Test methods for electrical characteristics Pages: 70 Replaces: IEC 62813:2015 <b>IEC 62813:2025</b> Lithium ion capacitors for use in electric and electronic equipment - Test methods for electrical characteristics Pages: 45 <b>IEC 62840-1:2025 PRV</b> Electric vehicle battery swap system - Part 1: General and guidance Pages: 34 Replaces: IEC TS 62840-1:2016 <b>IEC 62841-2-22:2025 PRV</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-22: Particular requirements for hand-held cut-off machines Pages: 60 <b>IEC 62841-4-8:2025 EXV</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 4-8: Particular requirements for shredders/chippers Pages: 417 <b>IEC 62841-4-8:2025</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 4-8: Particular	requirements for shredders/chippers Pages: 196 <b>IEC 62908-42-10:2025 PRV</b> Touch and interactive displays - Part 42-10: Measurement methods of motion-tracking image-control response time for interactive projection display Pages: 29 <b>IEC 62911:2025 PRV</b> Audio, video and information technology equipment - Routine electrical safety testing in production Pages: 11 <b>IEC 63171:2025 PRV</b> Connectors for electrical and electronic equipment - Shielded or unshielded free and fixed connectors for balanced single-pair data transmission with current-carrying capacity - General requirements and tests Pages: 40 <b>IEC 63185:2025 PRV</b> Measurement of the complex permittivity for low-loss dielectric substrates balanced-type circular disk resonator method Pages: 13 <b>IEC 63310:2025</b> Functional performance criteria for AAL robots used in connected home environment Pages: 20 <b>IEC TR 63340-1:2025</b> Electronic displays for special applications - Part 1: General introduction Pages: 18 <b>IEC 63360:2025</b> Fluids for electrotechnical application - Specification of	gases alternative to SF6 to be used in electrical power equipment Pages: 57 <b>IEC 63380-1:2025 PRV</b> Standard interface for connecting charging stations to local energy management systems - Part 1: General requirements, use cases and abstract messages Pages: 154 <b>IEC TR 63411:2025</b> Grid connection of offshore wind via VSC-HVDC systems Pages: 72 <b>IEC 63439-1-1:2025</b> Robotics for electricity generation, transmission, and distribution systems - Part 1-1: Terminology for electric power robots Pages: 53 <b>IEC 63453:2025</b> Railway applications - Current collection systems - Validation of simulation of the dynamic interaction between pantograph and overhead contact line Pages: 82 <b>IEC SRD 63460:2025</b> Architecture and use-cases for EVs to provide grid support functions Pages: 80 <b>IEC 63522-1:2025 PRV</b> Electrical relays – Tests and measurements - Part 1: Visual inspection and check of dimensions Pages: 9 <b>IEC 63522-2:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 2: Mechanical tests and weighing
---	---	--

Pages: 16 <b>IEC 63522-27:2025 PRV</b> Electrical relays - Testing and measurement - Part 27: Electrical contact noise Pages: 7	<b>IEC 63522-49:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 49: Long term stability of sealing Pages: 10	Water meters for cold potable water and hot water - Test report format <b>PD ISO/TS 7815-1:2025</b> Intelligent transport systems. Telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV) using ITS stations - Secure vehicle interface framework and architecture
<b>IEC 63522-28:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurement - Part 28: Thermoelectric electromotive force (e.m.f.) Pages: 6	<b>IEC TR 63558:2025</b> Automatic speech recognition: Classification according to acoustic and linguistic indicators in real-life applications Pages: 14	<b>PD ISO/TS 7815-2:2025</b> Intelligent transport systems. Telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV) using ITS stations - Specification of the secure vehicle interface
<b>IEC 63522-31:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 31: Magnetic remanence Pages: 8	<b>IEC 80601-2-71:2025</b> Medical electrical equipment - Part 2-71: Particular requirements for the basic safety and essential performance of functional near-infrared spectroscopy (NIRS) equipment Pages: 117	<b>BS ISO/IEC 15434:2025</b> Information technology. Automatic identification and data capture techniques. Syntax for high-capacity ADC media Replace: BS ISO/IEC 15434:2019
<b>IEC 63522-33:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 33: Continuity of protective earthing connection Pages: 8	<b>TIÊU CHUẨN BS</b>	<b>BS ISO 32112:2025</b> Transaction assurance in E-commerce. Relevant factors of evaluation and selection of indicators
<b>IEC 63522-34:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurement - Part 34: Fluid contamination Pages: 7	<b>BS ISO 24617-12:2025</b> Language resource management. Semantic annotation framework (SemAF) - Quantification	<b>PD ISO/TR 18228-5:2025</b> Design using geosynthetics - Stabilization
<b>IEC 63522-37:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 37: Terminal temperature rise at rated load Pages: 10	<b>BS ISO 19350:2025</b> Recycled carbon fibre. Determination of tensile strength distribution and interfacial shear strength of single filament embedded in matrix polymer	<b>BS EN IEC 61000-4-41:2025</b> Electromagnetic compatibility (EMC) - Testing and measurement techniques. Broadband radiated immunity tests
<b>IEC 63522-38:2025 PRV</b> Electrical relays - Testing and measurement - Part 38: Mechanical interlock Pages: 6	<b>BS EN ISO 23698:2025</b> Cosmetics. Measurement of the sunscreen efficacy by diffuse reflectance spectroscopy	<b>PD ISO/TS 81001-2-1:2025</b> Health software and health IT systems safety, effectiveness and security - Coordination. Guidance and requirements for
<b>IEC 63522-44:2025 PRV</b> Electrical relays - Tests and measurements - Part 44: Corrosive atmosphere due to salt mist Pages: 9	<b>BS EN ISO 8044:2025</b> Corrosion of metals and alloys. Vocabulary Replace: BS EN ISO 8044:2020 BS EN ISO 4064-3:2025	

the use of assurance cases for safety and security

**BS EN ISO 10077-2:2017+A1:2025**

Thermal performance of windows, doors and shutters. Calculation of thermal transmittance - Numerical method for frames

**BS ISO 16281:2025**

Rolling bearings. Methods for calculating the modified reference rating life for universally loaded rolling bearings

**BS ISO 2475:2025**

Chloroprene rubber (CR). General-purpose types. Evaluation procedure

Replace: BS ISO 2475:2011

**BS ISO 22863-13:2025**

Fireworks. Test methods for determination of specific chemical substances - Qualitative detection of elemental metals in firework compositions

**BS ISO 5700:2025**

Tractors for agriculture and forestry. Roll-over protective structures. Static test method and acceptance conditions

**BS EN ISO 4064-4:2025**

Water meters for cold potable water and hot water - Non-metrological requirements not covered in ISO 4064-1

Replace: BS EN ISO 4064-4:2014

**BSI Flex 2071 v2.0:2025-01**

Design and implementation of publicly accessible charging sites for battery electric HGVs. Code of practice

**BS ISO 19618:2025**

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics). Measurement method for normal spectral emissivity using blackbody reference with an FTIR spectrometer

**BS ISO 16900-11:2025**

Respiratory protective devices. Methods of test and test equipment - Determination of field of vision

**BS EN 16631:2025**

LPG equipment and accessories. Pressure relief valves for LPG pressure vessels.

Reconditioning requirements

**BS EN ISO 7866:2012+A2:2025**  
Gas cylinders. Refillable seamless aluminium alloy gas cylinders. Design, construction and testing

**BS EN 62148-2:2011+A1:2025**

Fibre optic active components and devices. Package and interface standards - SFF 10-pin transceivers

**PD ISO/TR 22126-2:2025**

Financial services. Semantic technology - OWL representation of the ISO 20022 metamodel and e-repository

**BS EN 13084-1:2025**

Free-standing chimneys - General requirements  
Replace: BS EN 13084-1:2007

**BS ISO 12046:2025**

Synchronous belt drives. Automotive belts.

Determination of physical properties

**BS IEC 61196-1-108:2025**

Coaxial communication cables - Electrical test methods. Test for

phase, phase constant, phase and group delay, propagation velocity, electrical length, and mean characteristic impedance

**PD ISO/TR 25221:2025**  
Electronic fee collection. Image-based tolling systems.

Measurable characteristics

**BS ISO 18436-3:2025**  
Condition monitoring and diagnostics of machines.

Requirements for training and certification of personnel - Requirements for training bodies and the training process

**PD IEC TR 63340-1:2025**  
Electronic displays for special applications - General introduction

**PD ISO/TS 21219-13:2025**

Intelligent transport systems. Traffic and travel information via transport protocol experts group, generation 2 (TPEG2) - Public transport information service (TPEG2-PTS)

**PD ISO/TR 5863:2025**

Integrative design of the building envelope. General principles

**BS ISO 13317-5:2025**

Determination of particle size distribution by gravitational liquid sedimentation methods - Photosedimentation techniques

**BS ISO 11778:2025**

Brand evaluation. Tourism city

**BS ISO 17956:2025**

Rolling bearings. Method for calculating the effective static safety factor for universally loaded rolling bearings

**BS ISO 8601-2:2019+A1:2025**

Date and time. Representations for information interchange - Extensions

**BS EN 17997:2025**

Railway applications. Braking. Definition of ETCS brake curve parameters for Gammatrains <b>BS ISO 20679:2025</b>	<b>BS ISO 6489-5:2019+A1:2025</b>	Cranes. Classification - Bridge and gantry cranes <b>BS EN ISO 7711-1:2021+A1:2025</b>
Ships and marine technology. Marine environment protection. Testing of ship biofouling in-water cleaning systems <b>PD ISO/TS 23164:2025</b>	Agricultural vehicles. Mechanical connections between towed and towing vehicles - Specifications for non-swivel clevis couplings <b>BS ISO 21120:2025</b>	Dentistry. Diamond rotary instruments - General requirements. Replace: BS EN ISO 7711-1:1998+A1:2009 <b>PD CEN/TR 1591-6:2025</b>
Automation systems and integration. Core vocabulary for industrial data <b>BS EN ISO 16486-3:2025</b>	Machinery for forestry. Forestry mulching equipment. Terms, definitions and commercial specifications <b>PD IEC TR 63558:2025</b>	Flanges and their joints. Design rules for gasketed circular flange connections - Background information <b>BS EN ISO 19650-6:2025</b>
Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels. Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Fittings <b>BS EN ISO 18363-2:2025</b>	Automatic speech recognition: Classification according to acoustic and linguistic indicators in real-life applications <b>BS EN 50160:2022+A1:2025</b>	Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM). Information management using building information modelling - Health and safety information <b>BS EN ISO 5530-1:2025</b>
Animal and vegetable fats and oils. Determination of fatty-acid-bound chloropropanediols (MCPDs) and glycidol by GC/MS - Method using slow alkaline transesterification and measurement for 2-MCPD, 3-MCPD and glycidol <b>PD ISO/TR 18961:2025</b>	Voltage characteristics of electricity supplied by public electricity networks Replace: BS EN 50160:2022 <b>BS EN IEC 60793-1-40:2025</b>	Wheat flour. Physical characteristics of doughs - Determination of water absorption and rheological properties using a farinograph Replace: BS 4317-20:1999 <b>BS EN ISO 5530-2:2025</b>
Buildings and civil engineering works. Seismic resilience assessment and strategies. Compilation of relevant information <b>PD ISO/TS 21343:2025</b>	Optical fibres - Attenuation measurement methods <b>BS EN IEC 61850-6:2009+A2:2025</b>	Wheat flour. Physical characteristics of doughs - Determination of rheological properties using an extensograph Replace: BS 4317-21:1999 <b>BS ISO 15104:2025</b>
Oil and gas industries including lower carbon energy. Fuel ammonia. Requirements and guidance for boilers for power generation <b>BS EN 14501:2021+A1:2025</b>	Communication networks and systems for power utility automation - Configuration description language for communication in in power utility automation systems related to IEDs Replace: BS EN IEC 61643-331:2018 <b>BS EN ISO 16823:2025</b>	Space systems. Environmental testing for spacecraft thermal control materials <b>BS EN 12312-5:2021+A1:2025</b>
Blinds and shutters. Thermal and visual comfort. Performance characteristics and classification	Non-destructive testing. Ultrasonic testing. Through-transmission technique Replace: BS EN ISO 16823:2014 <b>PD IEC TR 63411:2025</b>	Aircraft ground support equipment. Specific
	Grid connection of offshore wind via VSC-HVDC systems <b>BS ISO 4301-5:2025</b>	

requirements - Aircraft fuelling equipment Replace: BS EN 12312-5:2005+A1:2009 <b>BS EN ISO 5801:2017+A1:2025</b> Fans. Performance testing using standardized airways Replace: BS EN ISO 5801:2008 <b>BSI Flex 1891 v1.0:2025-01</b> Behaviour taxonomy for automated driving system (ADS) applications. Specification <b>BS EN IEC 61076-2-101:2025</b> Connectors for electrical and electronic equipment. Product requirements - Circular connectors. Detail specification for M12 connectors with screw-locking Replace: BS EN 61076-2-101:2012 <b>BS EN ISO 22765:2025</b> Nuclear fuel technology. Sintered (U,Pu)O <sub>2</sub> pellets. Guidance for ceramographic preparation for microstructure examination (ISO 22765:2025) <b>BS ISO 8548-3:2025</b> Prosthetics and orthotics. Limb deficiencies - Method of describing the residual limb after upper limb amputation <b>BS EN 14538:2025</b> Fat and oil derivatives. Fatty acid methyl ester (FAME). Determination of Ca, Mg, Na, K and P content by optical emission spectral analysis with inductively coupled plasma (ICP OES) <b>BS ISO 3518:2025</b> Essential oil of sandalwood ( <i>Santalum album L.</i> )	<b>PD IEC TS 62257-9-8:2025</b> Renewable energy off-grid systems - Integrated systems. Requirements for stand-alone renewable energy products with power ratings less than or equal to 350 W <b>BS IEC 63310:2025</b> Functional performance criteria for AAL robots used in connected home environment <b>PD IEC TS 62443-6-2:2025</b> Security for industrial automation and control systems - Security evaluation methodology for IEC 62443-4-2 <b>BS EN IEC 63522-48:2025</b> Electrical relays. Tests and measurements - Contact failure rate test <b>BS EN IEC 63522-17:2025</b> Electrical relays. Tests and measurements - Shock, acceleration and vibration <b>BS EN IEC 63522-15:2025</b> Electrical relays. Tests and measurements - Robustness of terminals <b>BS EN IEC 63522-13:2025</b> Electrical relays. Tests and measurements - Corrosive atmospheres due to sulfur impact <b>BS ISO 20468-9:2025</b> Performance evaluation of treatment technologies for water reuse systems - Guidelines and requirements for electro-chlorination <b>BS ISO 16830:2025</b> Specification of bamboo drinking straws <b>BS ISO 22899-3:2025</b> Determination of the resistance to jet fires of passive fire	protection materials - Extended test requirements <b>BS ISO 6900:2025</b> Dried red jujubes. Specification and test methods <b>PD ISO/TS 24399:2025</b> Thermoplastic pipes for the conveyance of fluids. Inspection of polyethylene butt fusion joints using time of flight diffraction testing <b>BS EN IEC 81355-1:2025</b> Industrial systems, installations and equipment and industrial products. Classification and designation of information - Basic rules and classification of information Replace: BS EN 61355-1:2008 <b>BS EN IEC 62309:2025</b> Dependability of new products containing reused parts and life-extended products <b>PD 6693-1:2025</b> Recommendations for the design of timber structures to Eurocode 5: Design of timber structures - General. Common rules and rules for buildings <b>BS EN ISO 22854:2025</b> Liquid petroleum products. Determination of hydrocarbon types and oxygenates in automotive-motor gasoline and in ethanol (E85) automotive fuel. Multidimensional gas chromatography method <b>BS EN ISO 15708-2:2025</b> Non-destructive testing. Radiation methods for computed tomography - Principles, equipment and samples Replace: BS EN ISO 15708-2:2019
---	---	---

<p><b>BS EN ISO 14903:2025</b> Refrigerating systems and heat pumps. Qualification of tightness of components and joints Replace: BS EN ISO 14903:2017</p> <p><b>BS EN ISO 14544:2025</b> Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics). Mechanical properties of ceramic composites at high temperature. Determination of compressive properties Replace: BS EN ISO 14544:2016</p> <p><b>PD CEN ISO/ASTM TS 52949:2025</b> Additive manufacturing of metals. Qualification principles. Installation, operation and performance (IQ/OQ/PQ) of PBF-EB equipment</p> <p><b>BS EN ISO 11118:2025</b> Gas cylinders. Non-refillable metallic gas cylinders. Specification and test methods Replace: BS EN ISO 11118:2015+A1:2020</p> <p><b>BS EN ISO 56000:2025</b> Innovation management. Fundamentals and vocabulary</p> <p><b>BS ISO 11126-11:2025</b> Preparation of steel substrates before application of paints and related products. Specifications for non-metallic blast-cleaning abrasives - Volcanic lava</p> <p><b>BS EN ISO 14343:2025</b> Welding consumables. Wire electrodes, strip electrodes, wires and rods for arc welding of stainless and heat resisting steels. Classification Replace: BS EN ISO 14343:2017</p> <p><b>BS EN ISO 20537:2025</b></p>	<p>Footwear. Identification of defects during visual inspection. Vocabulary</p> <p><b>BS EN 13795-2:2025</b> Surgical clothing and drapes. Requirements and test methods - Clean air suits Replace: BS EN 13795-2:2019</p> <p><b>PD ISO/TS 81346-101:2025</b> Industrial systems, installations and equipment and industrial products. Structuring principles and reference designations - Modelling concepts, guidelines and requirements for power supply systems</p> <p><b>BS ISO 16677-1:2025</b> Biobanking. Germplasm - Agricultural animal species</p> <p>❖ <b><u>TIÊU CHUẨN ASTM</u></b></p> <p><b>ASTM D6747-25</b> Standard Guide for Selection of Techniques for Electrical Leak Location of Leaks in Geomembranes Pages: 14 Replace: ASTM D6747-21</p> <p><b>ASTM F2047-25</b> Standard Practice for Workers' Compensation Coverage of Emergency Services Volunteers Pages: 5 Replace: ASTM F2047-00(2019)</p> <p><b>ASTM D665-24</b> Standard Test Method for Rust-Preventing Characteristics of Inhibited Mineral Oil in the Presence of Water Pages: 10 Replace: ASTM D665-23</p> <p><b>ASTM D8597-24</b> Standard Test Method for Surface Wettability of Coatings,</p>	<p>Substrates, and Pigments by Contact Angle Measurement Using Portable Goniometers Pages: 4</p> <p><b>ASTM F2685-25</b> Standard Guide for Training of a Land Search Team Leader (STL) Pages: 4 Replace: ASTM F2685-14(2022)</p> <p><b>ASTM C1322-25</b> Standard Practice for Fractography and Characterization of Fracture Origins in Advanced Ceramics Pages: 50 Replace: ASTM C1322-15(2024)</p> <p><b>ASTM F2605-16(2025)</b> Standard Test Method for Determining the Molar Mass of Sodium Alginate by Size Exclusion Chromatography with Multi-angle Light Scattering Detection (SEC-MALS) Pages: 7 Replace: ASTM F2605-16</p> <p><b>ASTM F2533-25</b> Standard Guide for In-Situ Burning of Oil in Ships or Other Vessels Pages: 6 Replace: ASTM F2533-20</p> <p><b>ASTM D1509-24</b> Standard Test Methods for Carbon Black—Heating Loss Pages:4</p> <p><b>ASTM E649-24</b> Standard Test Method for Bromine in Chlorine Pages: 8 Replace: ASTM E649-17a</p> <p><b>ASTM E506-24</b> Standard Test Method for Mercury in Liquid Chlorine</p>
--	--	---

Pages: 8	<b>ASTM F2027-25</b>	Replace: ASTM E506-17a
Replace: ASTM E506-17a	Standard Guide for	<b>ASTM D8563-24</b>
<b>ASTM D8563-24</b>	Characterization and Testing of	Standard Guide for
Standard Guide for	Raw or Starting Materials for	Measurement of Gas
Measurement of Gas	Tissue-Engineered Medical	Permeability and Gas Diffusivity
Permeability and Gas Diffusivity	Products	of Carbon and Graphite
of Carbon and Graphite	Pages: 8	Pages: 6
Pages: 6	Replace: ASTM F2027-16	<b>ASTM D6997-24</b>
<b>ASTM D6997-24</b>	<b>ASTM E2260-24a</b>	Standard Test Method for
Standard Test Method for	Standard Guide for Repointing	Distillation of Emulsified
Distillation of Emulsified	(Tuckpointing) Historic	Asphalt
Asphalt	Masonry	Pages: 5
Pages: 5	Pages: 5	Replace:
Replace:	Replace: ASTM E2260-24	ASTM D6997-12(2020)
ASTM D6997-12(2020)	<b>ASTM E806-24</b>	<b>ASTM C1600/C1600M-24</b>
<b>ASTM C1600/C1600M-24</b>	Standard Test Method for	Standard Specification for Rapid
Standard Specification for Rapid	Carbon Tetrachloride and	Hardening Hydraulic Cement
Hardening Hydraulic Cement	Chloroform in Liquid Chlorine	Pages: 6
Pages: 6	by Direct Injection (Gas	Replace:
Replace:	Chromatographic Procedure)	ASTM C1600/C1600M-23
ASTM C1600/C1600M-23	Pages: 8	<b>ASTM F3142-24</b>
<b>ASTM F3142-24</b>	Replace: ASTM E806-21	Standard Guide for Evaluation
Standard Guide for Evaluation	<b>ASTM C1629/C1629M-24</b>	of in vitro Release of
of in vitro Release of	Standard Classification for	Biomolecules from Biomaterials
Biomolecules from Biomaterials	Abuse-Resistant Nondecorated	Scaffolds for TEMPs
Scaffolds for TEMPs	Interior Gypsum Panel Products	Pages: 11
Pages: 11	and Fiber-Reinforced Cement	Replace: ASTM F3142-16
Replace: ASTM F3142-16	Panels	<b>ASTM F895-25</b>
<b>ASTM F895-25</b>	Pages: 16	Standard Test Method for Agar
Standard Test Method for Agar	Replace:	Diffusion Cell Culture Screening
Diffusion Cell Culture Screening	ASTM C1629/C1629M-23	for Cytotoxicity
for Cytotoxicity	<b>ASTM D5673-16(2024)e1</b>	Pages: 5
Pages: 5	Standard Test Method for	Replace: ASTM F895-11(2016)
Replace: ASTM F895-11(2016)	Elements in Water by	<b>ASTM E449-24</b>
<b>ASTM E449-24</b>	Inductively Coupled Plasma—	Standard Test Methods for
Standard Test Methods for	Mass Spectrometry	Analysis of Calcium Chloride
Analysis of Calcium Chloride	Pages: 10	Pages: 7
Pages: 7	Replace: ASTM D5673-16	Replace: ASTM E449-18
Replace: ASTM E449-18	<b>ASTM E649-24</b>	<b>ASTM D8255-24</b>
<b>ASTM D8255-24</b>	Standard Test Method for	Standard Guide for Work of
Standard Guide for Work of	Bromine in Chlorine	Fracture Measurements on
Fracture Measurements on	Pages: 8	Small Nuclear Graphite
Small Nuclear Graphite	Replace: ASTM E649-17a	Specimens
Specimens	<b>ASTM E506-24</b>	Pages: 10
Pages: 10	Standard Test Method for	Replace: ASTM D8255-19
Replace: ASTM D8255-19	Mercury in Liquid Chlorine	<b>ASTM C869/C869M-24</b>
	Pages: 8	

Standard Specification for Foaming Agents Used in Making Preformed Foam for Cellular Concrete Pages: 2 Replace: ASTM C869/C869M-11(2016) <b>ASTM C1702-24</b> Standard Test Method for Measurement of Heat of Hydration of Hydraulic Cementitious Materials Using Isothermal Conduction Calorimetry Pages: 9 <b>ASTM A240/A240M-24b</b> Standard Specification for Chromium and Chromium-Nickel Stainless Steel Plate, Sheet, and Strip for Pressure Vessels and for General Applications Pages: 12 <b>ASTM F2027-25</b> Standard Guide for Characterization and Testing of Raw or Starting Materials for Tissue-Engineered Medical Products Pages: 8 Replace: ASTM F2027-16 <b>ASTM E2260-24a</b> Standard Guide for Repointing (Tuckpointing) Historic Masonry Pages: 5 Replace: ASTM E2260-24 <b>ASTM E806-24</b> Standard Test Method for Carbon Tetrachloride and Chloroform in Liquid Chlorine by Direct Injection (Gas Chromatographic Procedure) Pages: 8 Replace: ASTM E806-21	<b>ASTM C1629/C1629M-24</b> Standard Classification for Abuse-Resistant Nondecorated Interior Gypsum Panel Products and Fiber-Reinforced Cement Panels Pages: 16 Replace: ASTM C1629/C1629M-23 <b>ASTM E2727-24</b> Standard Practice for Assessment of Rainwater Quality Pages: 7 <b>ASTM D2887-24</b> Standard Test Method for Boiling Range Distribution of Petroleum Fractions by Gas Chromatography Pages: 35 <b>ASTM 51538-24</b> Standard Practice for Use of the Ethanol-Chlorobenzene Dosimetry System Pages: 11 Replace: ASTM ISO/ASTM51538-17 <b>ASTM D5673-16(2024)e1</b> Standard Test Method for Elements in Water by Inductively Coupled Plasma—Mass Spectrometry Pages: 10 Replace: ASTM D5673-16 <b>ASTM E2174-24</b> Standard Practice for On-Site Inspection of Installed Firestop Systems Pages: 7 Replace: ASTM E2174-20a <b>ASTM E410-24</b> Standard Test Method for Moisture and Residue in Liquid Chlorine Pages: 8	Replace: ASTM E410-17a <b>ASTM D4642-24</b> Standard Test Method for Platinum in Reforming Catalysts by Wet Chemistry Pages: 4 Replace: ASTM D4642-04(2016) <b>ASTM D2322-24</b> Standard Test Method for Resistance of Shoe Upper Leather to Artificial Perspiration Pages: 3 Replace: ASTM D2322-14(2023) <b>ASTM C1337-17(2025)</b> Standard Test Method for Creep and Creep Rupture of Continuous Fiber-Reinforced Advanced Ceramics Under Tensile Loading at Elevated Temperatures Pages: 11 Replace: ASTM C1337-17 <b>ASTM C1275-18(2025)</b> Standard Test Method for Monotonic Tensile Behavior of Continuous Fiber-Reinforced Advanced Ceramics with Solid Rectangular Cross-Section Test Specimens at Ambient Temperature Pages: 22 Replace: ASTM C1275-18 <b>ASTM E1786-24</b> Standard Test Method for Determination of Low Levels of Water in Liquid Chlorine by On-Line Infrared Spectrophotometry Pages: 11 Replace: ASTM E1786-17a <b>ASTM D3370-25</b> Standard Practices for Sampling Water from Flowing Process Streams Pages: 13
---	--	---

<p>Replace: ASTM D3370-18  <b>ASTM E1746-24</b>  Standard Test Method for Sampling and Analysis of Liquid Chlorine for Gaseous Impurities  Pages: 8  Replace: ASTM E1746-17a  <b>ASTM D8421-25</b>  Standard Test Method for Determination of Per- and Polyfluoroalkyl Substances (PFAS) in Aqueous Matrices by Co-solvation followed by Liquid Chromatography Tandem Mass Spectrometry (LC/MS/MS)  Pages: 35  Replace: ASTM D8421-24  <b>ASTM D3620-25</b>  Standard Specification for Glacial Acetic Acid  Pages: 3  Replace: ASTM D3620-04(2023)  <b>ASTM E2001-24</b>  Standard Guide for Resonant Ultrasound Spectroscopy for Defect Detection in Both Metallic and Non-metallic Parts  Pages: 9  Replace: ASTM E2001-18  <b>ASTM D3906-25</b>  Standard Test Method for Determination of Relative X-ray Diffraction Intensities of Faujasite-Type Zeolite-Containing Materials  Pages: 7  Replace: ASTM D3906-19  <b>ASTM D1321-24a</b>  Standard Test Method for Needle Penetration of Petroleum Waxes  Pages: 5  Replace: ASTM D1321-24  <b>ASTM C1359-18(2025)</b></p>	<p>Standard Test Method for Monotonic Tensile Strength Testing of Continuous Fiber-Reinforced Advanced Ceramics With Solid Rectangular Cross Section Test Specimens at Elevated Temperatures  Pages: 30  Replace: ASTM C1359-18e1  <b>ASTM C1360-17(2025)</b>  Standard Practice for Constant-Amplitude, Axial, Tension-Tension Cyclic Fatigue of Continuous Fiber-Reinforced Advanced Ceramics at Ambient Temperatures  Pages: 10  Replace: ASTM C1360-17  <b>ASTM A380/A380M-25</b>  Standard Practice for Cleaning, Descaling, Pickling, and Passivation of Stainless Steel Parts, Equipment, and Systems  Pages: 14  Replace:  ASTM A380/A380M-17  <b>ASTM F2930-16(2025)</b>  Standard Guide for Compliance with Light Sport Aircraft Standards  Pages: 14  Replace: ASTM F2930-16e1  <b>ASTM F2563-16(2025)</b>  Standard Practice for Kit Assembly Instructions of Aircraft Intended Primarily for Recreation  Pages: 4  Replace: ASTM F2563-16  <b>ASTM F2839-11(2025)</b>  Standard Practice for Compliance Audits to ASTM Standards on Light Sport Aircraft  Pages: 5</p>	<p>Replace:  ASTM F2839-11(2016)  <b>ASTM C1496-18(2025)</b>  Standard Guide for Assessment and Maintenance of Exterior Dimension Stone Masonry Walls and Facades  Pages: 7  Replace: ASTM C1496-18  <b>ASTM C233/C233M-24</b>  Standard Test Method for Air-Entraining Admixtures for Concrete  Pages: 9  Replace:  ASTM C233/C233M-18  <b>ASTM F2476-24</b>  Standard Test Method for the Determination of Carbon Dioxide Gas Transmission Rate (CO<sub>2</sub>TR) Through Barrier Materials Using an Infrared Detector  Pages: 6  Replace: ASTM F2476-20  <b>ASTM D1363-25</b>  Standard Test Method for Permanganate Time of Acetone and Methanol  Pages: 3  Replace:  ASTM D1363-06(2019)  <b>ASTM C1610/C1610M-24</b>  Standard Test Method for Static Segregation of Self-Consolidating Concrete Using Column Technique  Pages: 5  Replace:  ASTM C1610/C1610M-21  <b>ASTM F2373-24</b>  Standard Consumer Safety Performance Specification for Public Use Play Equipment for</p>
---	---	--

<p>Children 6 Months through 23 Months Pages: 47 Replace: ASTM F2373-11(2017) <b>ASTM F2368-04(2025)</b> Standard Specification for Labeling for Wet Mops for Consumer and Institutional Use Pages: 2 Replace: ASTM F2368-04(2018) <b>ASTM F2367-04a(2025)</b> Standard Specification for Labeling for Upright Brooms for Consumer and Institutional Use Pages: 2 Replace: ASTM F2367-04a(2018) <b>ASTM F900-25</b> Standard Specification for Industrial and Commercial Swing Gates Pages: 3 Replace: ASTM F900-11(2017) <b>ASTM C1029-25</b> Standard Specification for Spray-Applied Rigid Cellular Polyurethane Thermal Insulation Pages: 4 Replace: ASTM C1029-20 <b>ASTM E2833-12(2025)</b> Standard Practice for Certification Bodies that Certify Personnel Engaged in Inspection and Testing of Construction Activities and Materials Used in Construction, Including Special Inspection Pages: 3 Replace: ASTM E2833-12(2018) <b>ASTM C349-24</b> Standard Test Method for Compressive Strength of</p>	<p>Hydraulic-Cement Mortars (Using Portions of Prisms Broken in Flexure) Pages: 4 Replace: ASTM C349-18 <b>ASTM C109/C109M-24</b> Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortars (Using 50 mm [2 in.] Cube Specimens) Pages: 12 Replace: ASTM C109/C109M-23 <b>ASTM A941-25</b> Standard Terminology Relating to Steel, Stainless Steel, Related Alloys, and Ferroalloys Pages: 9 Replace: ASTM A941-24b <b>ASTM E3468-25</b> Standard Practice for Validation of Test Methods for the Counting and Sizing of Particulate Matter on the Surfaces of Single-Use Bioprocessing Equipment Pages: 8 <b>ASTM D3942-25</b> Standard Test Method for Determination of the Unit Cell Dimension of a Faujasite-Type Zeolite Pages: 4 Replace: ASTM D3942-19 <b>ASTM C1707-24</b> Standard Specification for Pozzolanic Hydraulic Lime for Structural Purposes Pages: 3 Replace: ASTM C1707-18 <b>ASTM C654-19(2025)</b> Standard Specification for Porous Concrete Pipe Pages: 5 Replace: ASTM C654-19</p>	<p><b>ASTM C505-19(2025)</b> Standard Specification for Nonreinforced Concrete Irrigation Pipe with Rubber Gasket Joints Pages: 5 Replace: ASTM C505-19 <b>ASTM C412M-19(2025)</b> Standard Specification for Concrete Drain Tile (Metric) Pages: 6 Replace: ASTM C412M-19 <b>ASTM C1361-10(2025)</b> Standard Practice for Constant-Amplitude, Axial, Tension-Tension Cyclic Fatigue of Advanced Ceramics at Ambient Temperatures Pages: 9 Replace: ASTM C1361-10(2019) <b>ASTM C412-19(2025)</b> Standard Specification for Concrete Drain Tile Pages: 6 Replace: ASTM C412-19 <b>ASTM C1358-18(2025)</b> Standard Test Method for Monotonic Compressive Strength Testing of Continuous Fiber-Reinforced Advanced Ceramics with Solid Rectangular Cross Section Test Specimens at Ambient Temperatures Pages: 19 Replace: ASTM C1358-18 <b>ASTM C14-20(2025)</b> Standard Specification for Nonreinforced Concrete Sewer, Storm Drain, and Culvert Pipe Pages: 5 Replace: ASTM C14-20 <b>ASTM C1935-24</b> Standard Practice for Installation Methods for Adhered Veneer Systems Using</p>
--	--	--

Thin Brick Units Made from Clay or Shale Pages: 11 <b>ASTM C1019-24a</b> Standard Test Method for Sampling and Testing Grout for Masonry Pages: 8 Replace: ASTM C1019-24 <b>ASTM C1842-24</b> Standard Test Method for The Analysis of Boron and Silicon in Uranium Hexfluoride via Fourier-Transform Infrared (FTIR) Spectroscopy Pages: 7 Replace: ASTM C1842-16 <b>ASTM C654M-19(2025)</b> Standard Specification for Porous Concrete Pipe (Metric) Pages: 4 Replace: ASTM C654M-19 <b>ASTM E3466-25</b> Standard Guide for Development of Test Methods for the Counting and Sizing of Particulate Matter on the Surfaces of Single-Use Bioprocessing Equipment Pages: 13 <b>ASTM F688-25</b> Standard Specification for Wrought Cobalt-35Nickel-20Chromium-10Molybdenum Alloy Plate, Sheet, and Foil for Surgical Implants (UNS R30035) Pages: 4 Replace: ASTM F688-19 <b>ASTM D5464-25</b> Standard Test Method for pH Measurement of Water of Low Conductivity Pages: 10 Replace: ASTM D5464-16 <b>ASTM D5154/D5154M-25</b>	Standard Test Method for Determining Activity and Selectivity of Fluid Catalytic Cracking (FCC) Catalysts by Microactivity Test Pages: 9 Replace: ASTM D5154/D5154M-18 <b>ASTM D4801-08(2025)</b> Standard Specification for Polyethylene Sheeting in Thickness of 0.25 mm (0.010 in.) and Greater Pages: 5 Replace: ASTM D4801-08(2016) <b>ASTM C505M-19(2025)</b> Standard Specification for Nonreinforced Concrete Irrigation Pipe With Rubber Gasket Joints (Metric) Pages: 5 Replace: ASTM C505M-19 <b>ASTM C90-24a</b> Standard Specification for Dry-Cast Loadbearing Concrete Masonry Units Pages: 5 Replace: ASTM C90-24 <b>ASTM C14M-20(2025)</b> Standard Specification for Nonreinforced Concrete Sewer, Storm Drain, and Culvert Pipe (Metric) Pages: 5 Replace: ASTM C14M-20 <b>ASTM F2957-13(2025)</b> Standard Specification for Ornamental Aluminum Fence Systems Pages: 4 Replace: ASTM F2957-13(2019)e1 <b>ASTM F2919/F2919M-12(2025)</b>	Standard Specification for Welded Wire Mesh Fence Fabric (Metallic-Coated or Polymer Coated) with Variable Mesh Patterns or Meshes Greater than 6 in. <sup>2</sup> [3871 mm <sup>2</sup> ] in Panels Pages: 7 Replace: ASTM F2919/F2919M-12(2018) <b>ASTM F654-07(2025)</b> Standard Specification for Residential Chain Link Fence Gates Pages: 3 Replace: ASTM F654-07(2017) <b>ASTM D7978-24</b> Standard Test Method for Determination of the Viable Aerobic Microbial Content of Fuels and Associated Water—Thixotropic Gel Culture Method Pages: 9 Replace: ASTM D7978-14(2019) <b>ASTM D7660-20(2025)</b> Standard Guide for Conducting Internal Pressure Tests on United Nations (UN) Packagings Pages: 8 Replace: ASTM D7660-20 <b>ASTM D2068-24a</b> Standard Test Method for Determining Filter Blocking Tendency Pages: 10 Replace: ASTM D2068-24 <b>ASTM D1185-98a(2025)</b> Standard Test Methods for Pallets and Related Structures Employed in Materials Handling and Shipping Pages: 11 Replace: ASTM D1185-98a(2017) <b>ASTM F3151-17(2025)</b>
--	--	--

Standard Specification for Driven Steel Post Drive Anchor System Pages: 3 Replace: ASTM F3151-17 <b>ASTM D1066-18(2025)</b> Standard Practice for Sampling Steam Pages: 6 Replace: ASTM D1066-18e1 <b>ASTM F1941/F1941M-16(2025)</b> Standard Specification for Electrodeposited Coatings on Mechanical Fasteners, Inch and Metric Pages: 14 Replace: ASTM F1941/F1941M-16 <b>ASTM D6507-19(2025)</b> Standard Practice for Fiber Reinforcement Orientation Codes for Composite Materials Pages: 5 Replace: ASTM D6507-19 <b>ASTM C1421-18(2025)</b> Standard Test Methods for Determination of Fracture Toughness of Advanced Ceramics at Ambient Temperature Pages: 33 Replace: ASTM C1421-18 <b>ASTM C872-10(2025)</b> Standard Test Method for Lead and Cadmium Release from Porcelain Enamel Surfaces Pages: 4 Replace: ASTM C872-10(2021) <b>ASTM C481-99(2025)</b> Standard Test Method for Laboratory Aging of Sandwich Constructions Pages: 2 Replace: ASTM C481-99(2016)	<b>ASTM F2453/F2453M-14(2025)</b> Standard Specification for Welded Wire Mesh Fence Fabric (Metallic-Coated or Polymer Coated) for Meshes of 6 in. <sup>2</sup> [3871 mm <sup>2</sup> ] or Less, in Panels or Rolls, with Uniform Meshes Pages: 6 Replace: ASTM F2453/F2453M-14(2019) <b>ASTM F2163-01(2025)</b> Standard Specification for Ring, Bearing, Inner: for Needle Roller Bearing With Drawn Outer Ring Pages: 3 Replace: ASTM F2163-01(2016) <b>ASTM E3346-25</b> Standard Guide for Combustion, Inert Gas Fusion and Hot Extraction Instruments for use in Analyzing Metals, Ores, and Related Materials Pages: 10 Replace: ASTM E3346-22 <b>ASTM E1356-25</b> Standard Test Method for Assignment of the Glass Transition Temperatures by Differential Scanning Calorimetry Pages: 5 Replace: ASTM E1356-23 <b>ASTM D7887-20(2025)</b> Standard Guide for Selection of Substitute, Non-hazardous, Liquid Filling Substances for Packagings Subjected to the United Nations Performance Tests Pages: 5 Replace: ASTM D7887-20 <b>ASTM C614-20(2025)</b>	Standard Test Method for Alkali Resistance of Porcelain Enamels Pages: 8 Replace: ASTM C614-20 <b>ASTM C1862-17(2025)</b> Standard Test Method for the Nominal Joint Strength of End-Plug Joints in Advanced Ceramic Tubes at Ambient and Elevated Temperatures Pages: 16 Replace: ASTM C1862-17 <b>ASTM C94/C94M-24d</b> Standard Specification for Ready-Mixed Concrete Pages: 16 Replace: ASTM C94/C94M-24c <b>ASTM E644-11(2025)</b> Standard Test Methods for Testing Industrial Resistance Thermometers Pages: 21 Replace: ASTM E644-11(2019) <b>ASTM D5663-25</b> Standard Guide for Validating Recycled Content in Packaging Paper and Paperboard Pages: 5 Replace: ASTM D5663-15(2020) <b>ASTM C1863-18(2025)</b> Standard Test Method for Hoop Tensile Strength of Continuous Fiber-Reinforced Advanced Ceramic Composite Tubular Test Specimens at Ambient Temperature Using Direct Pressurization Pages: 18 Replace: ASTM C1863-18 <b>ASTM A967/A967M-25</b> Standard Specification for Chemical Passivation Treatments for Stainless Steel Parts
---	--	--

Pages: 10	Replace:	<b>ASTM E3201-25</b>
Replace:	ASTM A358/A358M-24	Standard Guide for Extension of
ASTM A967/A967M-17	<b>ASTM D5664-17(2025)</b>	Data for Fire-Resistive Joint
<b>ASTM E2307-25</b>	Standard Test Method for	System Tests Conducted in
Standard Test Method for	Evaluating the Effects of Fire-	Accordance with ASTM E1966
Determining Fire Resistance of	Retardant Treatments and	Pages: 6
Perimeter Fire Barriers Using	Elevated Temperatures on	<b>ASTM D714-25</b>
Intermediate-Scale, Multi-story	Strength Properties of Fire-	Standard Test Method for
Test Apparatus	Retardant Treated Lumber	Evaluating Degree of Blistering
Pages: 21	Pages: 6	of Paints
Replace: ASTM E2307-23b	Replace: ASTM D5664-17	Pages: 6
<b>ASTM E88-25</b>	<b>ASTM D459-16(2025)</b>	Replace: ASTM D714-02(2017)
Standard Practice for Sampling	Standard Terminology Relating	<b>ASTM F1141/F1141M-25</b>
Nonferrous Metals and Alloys in	to Soaps and Other Detergents	Standard Specification for Wall
Cast Form for Determination of	Pages: 6	Coverings and Ceiling Coverings
Chemical Composition	Replace: ASTM D459-16	Pages: 3
Pages: 2	<b>ASTM F3084-25</b>	Replace:
Replace: ASTM E88-11(2017)	Standard Consumer Safety	ASTM F1141/F1141M-20
<b>ASTM D5118/D5118M-25</b>	Specification for Infant and	<b>ASTM D7964/D7964M-25</b>
Standard Practice for	Infant/Toddler Rockers	Standard Test Method for
Fabrication of Fiberboard	Pages: 21	Determining Activity of Fluid
Shipping Boxes	Replace: ASTM F3084-24	Catalytic Cracking (FCC)
Pages: 22	<b>ASTM E2656-25</b>	Catalysts in a Fluidized Bed
Replace:	Standard Practice for Real-time	Pages: 6
ASTM D5118/D5118M-22	Release Testing of	Replace:
<b>ASTM E3338-25</b>	Pharmaceutical Water for the	ASTM D7964/D7964M-19
Standard Guide for Size and	Total Organic Carbon Attribute	<b>ASTM D7206/D7206M-25</b>
Shape of Solid Particles, Liquid	Pages: 8	Standard Guide for Cyclic
Droplets, and Gas Bubbles,	Replace: ASTM E2656-16	Deactivation of Fluid Catalytic
Dynamically Conveyed, Using a	<b>ASTM D1212-91(2025)</b>	Cracking (FCC) Catalysts with
Dynamic Imaging Analyzer	Standard Test Methods for	Metals
Pages: 11	Measurement of Wet Film	Pages: 6
Replace: ASTM E3338-22	Thickness of Organic Coatings	Replace:
<b>ASTM D892-25</b>	Pages: 4	ASTM D7206/D7206M-19
Standard Test Method for	Replace: ASTM D1212-	<b>ASTM D4463/D4463M-25</b>
Foaming Characteristics of	91(2020)	Standard Guide for Metals Free
Lubricating Oils	<b>ASTM F1633-25</b>	Steam Deactivation of Fresh
Pages: 11	Standard Guide for Techniques	Fluid Cracking Catalysts
Replace: ASTM D892-23	in Land Search	Pages: 4
<b>ASTM A358/A358M-24a</b>	Pages: 7	Replace:
Standard Specification for	Replace: ASTM F1633-97(2008)	ASTM D4463/D4463M-19
Electric-Fusion-Welded	<b>ASTM F793/F793M-25</b>	<b>ASTM F3221-16(2025)</b>
Austenitic Chromium-Nickel	Standard Classification of Wall	Standard Guide for Training for
Stainless Steel Pipe for High-	Coverings and Ceiling Coverings	Snowmobile Operator's
Temperature Service and	by Use Characteristics	Endorsement
General Applications	Pages: 7	Pages: 6
Pages: 11	Replace: ASTM F793/F793M-20	Replace: ASTM F3221-16
		<b>ASTM D3734-05(2025)</b>

Standard Specification for High-Flash Aromatic Naphthas Pages: 2 Replace: ASTM D3734-05(2018) <b>ASTM E108-25</b> Standard Test Methods for Fire Tests of Roof Coverings Pages: 15 Replace: ASTM E108-24 <b>ASTM C1291-25</b> Standard Test Method for Elevated Temperature Tensile Creep Strain, Creep Strain Rate, and Creep Time to Failure for Monolithic Advanced Ceramics Pages: 16 Replace: ASTM C1291-18 <b>ASTM D7090-04(2025)</b> Standard Test Method for Purity of Isophorone by Capillary Gas Chromatography Pages: 4 Replace: ASTM D7090-04(2018) <b>ASTM C1780-25</b> Standard Practice for Installation Methods for Cement-based Adhered Masonry Veneer Pages: 7 Replace: ASTM C1780-24 <b>ASTM F3098-16(2025)</b> Standard Guide for Training of Non-Wilderness Land Search Team Member Pages: 5 Replace: ASTM F3098-16	Replaces: JIS B 9714 :2006 <b>JIS C 0617-1:2024</b> Graphical symbols for diagrams- Part 1: General information, general index, cross-reference tables Pages: 176 Replaces: JIS C 0617 -1:2011 <b>JIS C 0617-10 :2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 10: Telecommunications - Transmission Pages: 278 Replaces: JIS C 0617 -10:2011 <b>JIS C 0617-11 :2024</b> Graphical symbols for diagrams- Part 11: Architectural and topographical installation plans and diagrams Pages: 256 Replaces: JIS C 0617 -11:2011 <b>JIS C 0617 -12 :2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 12: Binary logic elements Pages: 426 Replaces: JIS C 0617 -12:2011 <b>JIS C 0617 -13 :2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 13: Analogue elements Pages: 150 Replaces: JIS C 0617 -13:2011 <b>JIS C 0617 -2:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 2: Symbol elements, qualifying symbols and other symbols having general application Pages: 86 Replaces: JIS C 0617 -2:2011 <b>JIS C 0617 -3:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 3: Conductors and connecting devices Pages: 62 Replaces: JIS C 0617 -3:2011	<b>JIS C 0617 -4:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 4: Passive components Pages: 23 JIS C 0617 -4:2011 <b>JIS C 0617 -5:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 5: Semiconductors and electron tubes Pages: 200 Replaces: JIS C 0617 -5:2011 <b>JIS C 0617 -6:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 6: Production and conversion of electrical energy Pages: 146 Replaces: JIS C 0617 -6:2011 <b>JIS C 0617 -7:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 7: Switchgear, controlgear and protective devices Pages: 204 Replaces: JIS C 0617 -7:2011 <b>JIS C 0617 -8:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 8: Measuring instruments, lamps and signalling devices Pages: 78 Replaces: JIS C 0617 -8:2011 <b>JIS C 0617 -9:2024</b> Graphical symbols for diagrams -Part 9: Telecommunications: Switching and peripheral equipment Pages: 110 Replaces: JIS C 0617 -9:2011 <b>JIS H 1052:2024</b> Methods for determination of tin in copper and copper alloys Pages: 42 Replaces: JIS H 1052 :2010 <b>JIS K 1102:2024</b> Liquid chlorine for industrial use-Determination of the chlorine content
--	---	---

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS B 9714:2024**

Safety of machinery-Prevention of unexpected start-up  
Pages: 18

Pages: 12 Replaces: JIS K 1102 :2000 <b>JIS K 1200-1:2024</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 1: Specific gravity or density Pages: 14 Replaces: JIS K 1200- 1:2000 <b>JIS K 1200-10 :2024</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 10: Determination of manganese content Pages: 10 Replaces: JIS K 1200 -10:2000 <b>JIS K 1200-2:2024</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 2: Determination of total alkalinity, sodium hydroxide and sodium carbonate Pages: 22 Replaces: JIS K 1200 -2:2000 <b>JIS K 1200-3-2 :2024</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 3: Determination of chlorides-Section 2: Modified Volhard method, Ion chromatographic analysis Pages: 10 Replaces: JIS K 1200 -3-2:2000 <b>JIS K 1200-4:2024</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 4: Determination of sodium sulfate content Pages: 12 Replaces: JIS K 1200 -4:2000 <b>JIS K 1200 -5:2024</b> Sodium hydroxide for industrial use -Part 5: Determination of silicon content -Inductively coupled plasma atomic emission spectrometry Pages: 10 Replaces: JIS K 1200 -5:2000 <b>JIS K 1200 -6:2024</b>	Sodium hydroxide for industrial use -Part 6: Determination of iron content -Atomic absorption spectrometry, Inductively coupled plasma atomic emission spectrometry Pages: 12 Replaces: JIS K 1200 -6:2000 <b>JIS K 1200 -7:2024</b> Sodium hydroxide for industrial use -Part 7: Determination of aluminum content Pages: 12 Replaces: JIS K 1200 -7:2000 <b>JIS K 1200 - 8 - 1 :2024</b> Sodium hydroxide for industrial use -Part 8: Determination of calcium content -Section 1: Flame atomic absorption spectrometry Pages: 8 Replaces: JIS K 1200 -8-1:2000 <b>JIS K 1200 - 8 - 2 :2024</b> Sodium hydroxide for industrial use -Part 8: Determination of calcium content -Section 2: Inductively coupled plasma atomic emission spectrometry Pages: 8 Replaces: JIS K 1200 - 8 -2:2000 <b>JIS K 1200 - 9 - 1 :2024</b> Sodium hydroxide for industrial use -Part 9: Determination of magnesium content -Section 1: Flame atomic absorption spectrometry Pages: 8 Replaces: JIS K 1200 -9-1:2000 <b>JIS K 1200-9-2 :2024</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 9: Determination of magnesium content-Section 2: Inductively coupled plasma atomic emission spectrometry Pages: 8	Replaces: JIS K 1200 -9-2:2000 <b>JIS K 1201-1:2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 1: Determination of bulk density Pages: 8 Replaces: JIS K 1201 -1:2000 <b>JIS K 1201-2:2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 2: Determination of loss of mass and of non-volatile matter at 250 degree C Pages: 10 Replaces: JIS K 1201 -2:2000 <b>JIS K 1201-3-1 :2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 3: Determination of total soluble alkalinity-Section 1: Titrimetric method Pages: 12 Replaces: JIS K 1201 -3-1:2000 <b>JIS K 1201-3-2 :2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 3: Determination of total soluble alkalinity-Section 2: Potentiometric method Pages: 8 Replaces: JIS K 1201 -3-2:2000 <b>JIS K 1201-4:2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 4: Determination of Sodium chloride content-Modified Volhard method, Potentiometric method Pages: 10 Replaces: JIS K 1201 -4:2000 <b>JIS K 1201-5:2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 5: Determination of iron content-1, 10-Phenanthroline molecular absorption spectrometry, Atomic absorption spectrometry, Inductively
---	--	---

<p>coupled plasma atomic emission spectrometry Pages: 12 Replaces: JIS K 1201 -5:2000 <b>JIS K 1201-6:2024</b> Sodium carbonate for industrial use-Part 6: Determination of matter insoluble in water at 50 degree C Pages: 12 Replaces: JIS K 1201 -6:2000 <b>JIS K 1310-1-1 :2024</b> Hydrochloric acid for industrial use-Part 1: Determination of total acidity-Section 1: Titrimetric method Pages: 10 Replaces: JIS K 1310 -1-1:2000 <b>JIS K 1310-1-2 :2024</b> Hydrochloric acid for industrial use-Part 1: Determination of total acidity-Section 2: Potentiometric method Pages: 8 Replaces: JIS K 1310 -1-2:2000 <b>JIS K 1310-2:2024</b> Hydrochloric acid for industrial use-Part 2: Evaluation of hydrochloric acid concentration by measurement of density Pages: 10 Replaces: JIS K 1310 -2:2000 <b>JIS K 1310 -3:2024</b> Hydrochloric acid for industrial use -Part 3: Determination of iron content -1, 10 - Phenanthroline molecular absorption spectrometry, Electrothermal type atomic absorption spectrometry, Inductively coupled plasma atomic emission spectrometry Pages: 10 Replaces: JIS K 1310 -3:2000 <b>JIS K 1310 -4:2024</b></p>	<p>Hydrochloric acid for industrial use -Part 4: Determination of ignition residue method Pages: 8 Replaces: JIS K 1310 -4:2000 <b>JIS L 1059 -1:2024</b> Testing methods for crease recovery of textiles -Part 1: Determination of the recovery from creasing of a horizontally folded specimen by measuring the angle of recovery Pages: 14 Replaces: JIS L 1059 -1:2009 <b>JIS L 1059 -2:2024</b> Testing methods for crease recovery of textiles -Part 2: Evaluation of the wrinkle recovery of fabrics -Appearance method Pages: 8 Replaces: JIS L 1059 -2:2009 <b>JIS Z 2171:2024</b> A methodology for estimation of snow melting heat fluxes and freezing prevention heat fluxes using the calorimeter Pages: 12 <b>JIS Z 9110:2024</b> General rules of recommended lighting levels Pages: 20 Replaces: JIS Z 9110 :2010</p> <p>❖ <b><u>TIÊU CHUẨN DIN</u></b></p> <p><b>DIN 637</b> Rolling bearings - Safety regulations for dimensioning and operation of profiled rail guides with recirculating rolling elements; Text in German and English <b>DIN 4726</b> Warm water surface heating systems and radiator</p>	<p>connections - Plastics and multilayer piping systems; Text in German and English <b>DIN EN 334</b> Gas pressure regulators for inlet pressure up to 10 MPa (100 bar); German and English version EN 334:2019+A1:2024 <b>DIN EN 556-2</b> Sterilization of medical devices - Requirements for medical devices to be designated "STERILE" - Part 2: Requirements for aseptically processed medical devices; German version EN 556-2:2024 <b>DIN EN 673</b> Glass in building - Determination of thermal transmittance (U value) - Calculation method; German version EN 673:2024 <b>DIN EN 711</b> Inland navigation vessels - Railings for decks and side decks - Requirements, designs and types; German version EN 711:2024 <b>DIN EN 1143-2</b> Secure storage units - Requirements, classification and methods of tests for resistance to burglary - Part 2: Deposit systems; German version EN 1143-2:202 <b>DIN EN 1269</b> Textile floor coverings - Assessment of impregnations in needed floor coverings by means of a soiling test; German version EN 1269:2024 <b>DIN EN 1366-10</b> Fire resistance tests for service installations - Part 10: Smoke control dampers; German</p>
--	--	--

version EN 1366-10:2022+A1:2024 <b>DIN EN 1426</b> Bitumens and bituminous binders - Determination of needle penetration; German version EN 1426:2024 <b>DIN EN 1794-1</b> Road traffic noise reducing devices - Non-acoustic performance - Part 1: Methods of determination of the mechanical and stability characteristics; German version EN 1794-1:2024 <b>DIN EN 1794-2</b> Road traffic noise reducing devices - Non-acoustic performance - Part 2: Methods of determination of the general safety and environmental characteristics; German version EN 1794-2:2024 <b>DIN EN 1865-6</b> Patient handling equipment used in ambulances - Part 6: Powered chairs; German version EN 1865-6:2024 <b>DIN EN 1982</b> Copper and copper alloys - Ingots and castings; German version EN 1982:2024 <b>DIN EN 2350</b> Aerospace series - Circuit breakers - Technical specification; German and English version EN 2350:2024 <b>DIN EN 2588</b> Aerospace series - Bearing, spherical plain in corrosion resisting steel with assembly slots - Dimensions and loads; German and English version EN 2588:2024 <b>DIN EN 2591-100</b>	Aerospace series - Elements of electrical and optical connection - Test methods - Part 100: General; German and English version EN 2591-100:2024 <b>DIN EN 3487</b> Aerospace series - Steel X6CrNiTi18-10 (1.4541) - Air melted - Softened - Bars for machining - a or D ≤ 250 mm - 500 MPa ≤ R <sub>m</sub> ≤ 700 MPa; German and English version EN 3487:2024 <b>DIN EN 3841-100</b> Aerospace series - Circuit breakers - Test methods - Part 100: General; German and English version EN 3841-100:2024 <b>DIN EN 4165-024</b> Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C continuous - Part 024: Single module plug - Product standard; German and English version EN 4165-024:2024 <b>DIN EN 4641-401</b> Aerospace series - Cables, optical 125 µm diameter cladding - Part 401: Tight structure bend insensitive 50 µm/125 µm GI fibre nominal, 1,8 mm outside diameter - Product standard; German and English version EN 4641-401:2024 <b>DIN EN 9102</b> Aerospace series - Quality systems - First article inspection requirements; German and English version EN 9102:2024 <b>DIN EN 9104-1</b>	Aerospace series - Quality management systems - Part 1: Requirements for Certification of aviation, space, and defense; German and English version EN 9104-1:2023 <b>DIN EN 9104-3</b> Aerospace series - Quality management systems - Part 3: Requirements for Aviation, Space, and Defence Auditor Training, Development, Competence, and Authentication; German and English version EN 9104-3:2023 <b>DIN EN 10088-2</b> Stainless steels - Part 2: Technical delivery conditions for sheet/plate and strip of corrosion resistant steels for general purposes; German version EN 10088-2:2024 <b>DIN EN 12163</b> Copper and copper alloys - Rod for general purposes; German version EN 12163:2024 <b>DIN EN 12164</b> Copper and copper alloys - Rod for free machining purposes; German version EN 12164:2024 <b>DIN EN 12165</b> Copper and copper alloys - Wrought and unwrought forging stock; German version EN 12165:2024 <b>DIN EN 12166</b> Copper and copper alloys - Wire for general purposes; German version EN 12166:2024 <b>DIN EN 12168</b> Copper and copper alloys - Hollow rod for free machining purposes; German version EN 12168:2024 <b>DIN EN 12167</b>
---	---	---

Copper and copper alloys - Profiles and bars for general purposes; German version EN 12167:2024

**DIN EN ISO 17294-2**

Water quality - Application of inductively coupled plasma mass spectrometry (ICP-MS) - Part 2: Determination of selected elements including uranium isotopes (ISO 17294-2:2023, Corrected version 2024-02); German version EN ISO 17294-2:2023

**DIN EN ISO 18119**

Gas cylinders - Seamless steel and seamless aluminium-alloy gas cylinders and tubes - Periodic inspection and testing (ISO 18119:2018 + Amd 1:2021 + Amd 2:2024); German version EN ISO 18119:2018 + A1:2021 + A2:202

**DIN EN ISO 18276**

Welding consumables - Tubular cored electrodes for gas-shielded and non-gas-shielded metal arc welding of high strength steels - Classification (ISO 18276:2024); German version EN ISO 18276:2024

**DIN EN ISO 18563-2**

Non-destructive testing - Characterization and verification of ultrasonic phased array equipment - Part 2: Array probes (ISO 18563-2:2024); German version EN ISO 18563-2:2024

**DIN EN ISO 19164**

Geographic information - Indoor feature model (ISO 19164:2024); English version EN ISO 19164:2024

**DIN EN ISO 19403-4**

Paints and varnishes - Wettability - Part 4: Determination of the polar and dispersive fractions of the surface tension of liquids from an interfacial tension (ISO 19403-4:2024); German version EN ISO 19403-4:2024

**DIN EN ISO 19403-5**

Paints and varnishes - Wettability - Part 5: Determination of the polar and dispersive fractions of the surface tension of liquids from contact angles measurements on a solid with only a disperse contribution to its surface energy (ISO 19403-5:2024); German version EN ISO 19403-5:2024

**DIN EN ISO 19403-6**

Paints and varnishes - Wettability - Part 6: Measurement of dynamic advancing and receding angle by changing the volume of a drop (ISO 19403-6:2024); German version EN ISO 19403-6:2024

**DIN EN ISO 19403-7**

Paints and varnishes - Wettability - Part 7: Measurement of the dynamic contact angles and the roll-off angle on a tilt stage (ISO 19403-7:2024); German version EN ISO 19403-7:2024

**DIN EN ISO 20182**

Refractory test-piece preparation - Gunning refractory panels by the pneumatic-nozzle mixing type guns (ISO 20182:2024); German version EN ISO 20182:2024

**DIN EN ISO 20957-2**

Stationary training equipment - Part 2: Strength training equipment - Additional specific safety requirements and test methods (ISO 20957-2:2024); German version EN ISO 20957-2:2024

**DIN EN ISO 20957-7**

Stationary training equipment - Part 7: Rowing equipment - Additional specific safety requirements and test methods (ISO 20957-7:2024); German version EN ISO 20957-7:2024

**DIN EN ISO 21009-2**

Cryogenic vessels - Static vacuum insulated vessels - Part 2: Operational requirements (ISO 21009-2:2024); German version EN ISO 21009-2:2024

**DIN EN ISO 21012**

Cryogenic vessels - Hoses (ISO 21012:2024); German version EN ISO 21012:2024

**DIN EN ISO 21898**

Packaging - Flexible intermediate bulk containers (FIBCs) for non-dangerous goods (ISO 21898:2024); German version EN ISO 21898:2024

**DIN EN ISO 21971**

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Mechanical properties of ceramic composites at ambient temperature in air atmospheric pressure - Determination of hoop tensile properties of tubes (ISO 21971:2019); English version EN ISO 21971:2024

**DIN EN ISO 22000/A1**

<p>Food safety management systems - Requirements for any organization in the food chain - Amendment 1: Climate action changes (ISO 22000:2018/Amd 1:2024); German version EN ISO 22000:2018/A1:2024 <b>DIN EN ISO 22074-8</b></p> <p>Railway infrastructure - Rail fastening systems - Part 8: Test method for vertical stiffness (ISO 22074-8:2022); German version EN ISO 22074-8:2024 <b>DIN EN ISO 22174</b></p> <p>Microbiology of the food chain - Polymerase chain reaction (PCR) for the detection and quantification of microorganisms - General requirements and definitions (ISO 22174:2024); German version EN ISO 22174:2024 <b>DIN EN ISO 23936-4</b></p> <p>Oil and gas industries including lower carbon energy - Non-metallic materials in contact with media related to oil and gas production - Part 4: Fiber-reinforced composite materials (ISO 23936-4:2024); English version EN ISO 23936-4:2024 <b>DIN EN ISO 23953-1</b></p> <p>Refrigerated display cabinets - Part 1: Vocabulary (ISO 23953-1:2023); German version EN ISO 23953-1:2023 <b>DIN EN ISO 24194</b></p> <p>Solar energy - Collector fields - Check of performance (ISO 24194:2022 + Amd 1:2024); German version EN ISO 24194:2022 + A1:2024 <b>DIN EN ISO 24808/A11</b></p>	<p>Recreational diving services - Requirements for rebreather instructor training (ISO 24808:2024); German version EN ISO 24808:2024/A11:2024 <b>DIN EN ISO 27548</b></p> <p>Additive manufacturing of plastics - Environment, health, and safety - Test method for determination of particle and chemical emission rates from desktop material extrusion 3D printer (ISO 27548:2024); German version EN ISO 27548:2024 <b>DIN EN ISO 28139</b></p> <p>Equipment for crop protection - Knapsack combustion engine-driven airblast sprayers - Safety and environmental requirements and test methods (ISO 28139:2019 + Amd 1:2024); German version EN ISO 28139:2021 + A1:2024 <b>DIN EN ISO 29001/A1</b></p> <p>Petroleum, petrochemical and natural gas industries - Sector-specific quality management systems - Requirements for product and service supply organizations - Amendment 1: Climate action changes (ISO 29001:2020/Amd 1:2024); English version EN ISO 29001:2020/A1:2024 <b>DIN EN ISO 41001/A1</b></p> <p>Facility management - Management systems - Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO 41001:2018/Amd.1:2024); German version EN ISO 41001:2018/A1:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 45001/A1</b></p> <p>Occupational health and safety management systems - Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO 45001:2018/Amd 1:2024); German version EN ISO 45001:2023/A1:2024 <b>DIN EN ISO 50001/A1</b></p> <p>Energy management systems - Requirements with guidance for use - Amendment 1: Climate action changes (ISO 50001:2018/Amd 1:2024); German version EN ISO 50001:2018/A1:2024 <b>DIN ISO 34-1</b></p> <p>Rubber, vulcanized or thermoplastic - Determination of tear strength - Part 1: Trouser, angle and crescent test pieces (ISO 34-1:2022) <b>DIN ISO 5743</b></p> <p>Pliers and nippers - General technical requirements (ISO 5743:2021) <b>DIN ISO 5746</b></p> <p>Pliers and nippers - Engineer's and Lineman's pliers - Dimensions and test values (ISO 5746:2021) <b>DIN ISO 7152</b></p> <p>Camping tents and caravan awnings - Vocabulary (ISO 7152:2023); Text in German and English <b>DIN ISO 8976</b></p> <p>Pliers and nippers - Multiple slip joint pliers - Dimensions and test values (ISO 8976:2021) <b>DIN ISO 9343</b></p> <p>Pliers and nippers - Slip joint pliers - Dimensions and test values (ISO 9343:2021)</p>
--	---	---

<p><b>DIN ISO 9462</b> Alpine ski-bindings - Requirements and test methods (ISO 9462:2023)</p> <p><b>DIN ISO 10109</b> Optics and photonics - Guidance for the selection of environmental tests (ISO 10109:2024)</p> <p><b>DIN ISO 10110-16</b> Optics and photonics - Preparation of drawings for optical elements and systems - Part 16: Diffractive surfaces (ISO 10110-16:2023)</p> <p><b>DIN ISO 13741-1</b> Plastics/rubber - Determination of residual monomers and other organic components by capillary-column gas chromatography - Part 1: Direct liquid injection method (ISO 13741-1:2023)</p> <p><b>DIN ISO 16000-40/A1</b> Indoor air - Part 40: Indoor air quality management system - Amendment 1: Climate action changes (ISO 16000-40:2019/Amd.1:2024)</p> <p><b>DIN ISO 20816-2</b> Mechanical vibration - Measurement and evaluation of machine vibration - Part 2: Land-based gas turbines, steam turbines and generators in excess of 40 MW, with fluid-film bearings and rated speeds of 1 500 r/min, 1 800 r/min, 3 000 r/min and 3 600 r/min (ISO 20816-2:2017 + Amd 1:2024)</p> <p><b>DIN ISO 21500</b> Project, programme and portfolio management - Context</p>	<p>and concepts (ISO 21500:2021); Text in German and English</p> <p><b>DIN ISO 21502</b> Project, programme and portfolio management - Guidance on project management (ISO 21502:2020); Text in German and English</p> <p><b>DIN ISO 21940-21</b> Mechanical vibration - Rotor balancing - Part 21: Description and evaluation of balancing machines (ISO 21940-21:2022)</p> <p><b>DIN EN ISO 15995</b> Gas cylinders - Specifications and testing of LPG cylinder valves - Manually operated (ISO 15995:2021 + Amd.1:2024); German version EN ISO 15995:2021 + A1:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 16810</b> Non-destructive testing - Ultrasonic testing - General principles (ISO 16810:2024); German version EN ISO 16810:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 16906</b> Resilient floor coverings - Determination of seam strength (ISO 16906:2015); German version EN ISO 16906:2024</p> <p>❖ <b><u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u></b></p> <p><b>UL 8 Edition 7, 2025</b> Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers</p> <p><b>UL 19 Edition 14, 2025</b> Standard for Lined Fire Hose and Hose Assemblies</p> <p><b>UL 20 Edition 15, 2025</b> Standard for General-Use Snap Switches</p> <p><b>UL 47 Edition 7, 2025</b></p>	<p>Semiautomatic Fire Hose Storage Devices</p> <p><b>UL 48 Edition 15, 2025</b> Standard for Electric Signs</p> <p><b>UL 62 Edition 20, 2025</b> Flexible Cords and Cables</p> <p><b>UL 136 Edition 8, 2025</b> Standard for Pressure Cookers</p> <p><b>UL 141 Edition 9, 2025</b> Standard for Garment Finishing Appliances</p> <p><b>UL 199 Edition 13, 2025</b> Automatic Sprinklers for Fire-Protection Service</p> <p>UL 224 Edition 7, 2025 Extruded Insulating Tubing</p> <p><b>UL 248-21 Edition 1, 2025</b> Low-Voltage Fuses - Part 21: Fuses for the Protection of Batteries and Battery Systems</p> <p><b>UL 268 Edition 8, 2025</b> Smoke Detectors for Fire Alarm Systems</p> <p><b>UL 346 Edition 5, 2025</b> Standard for Waterflow Indicators for Fire Protective Signaling Systems</p> <p><b>UL 363 Edition 11, 2025</b> Standard for Knife Switches</p> <p><b>UL 448 Edition 12, 2025</b> Centrifugal Stationary Pumps for Fire-Protection Service</p> <p><b>UL 458 Edition 6, 2025</b> Standard for Power Converters/Inverters and Power Converter/Inverter Systems for Land Vehicles and Marine Crafts</p> <p><b>UL 539 Edition 8, 2025</b> Standard for Single and Multiple Station Heat Alarms</p> <p><b>UL 668 Edition 10, 2025</b> Standard for Hose Valves for Fire-Protection Service</p> <p><b>UL 687 Edition 15, 2025</b> Standard for Burglary-Resistant Safes</p> <p><b>UL 719 Edition 13, 2025</b></p>
---	---	--

Standard for Nonmetallic-Sheathed Cables

**UL 746A Edition 6, 2025**

Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations

**UL 746C Edition 7, 2025**

Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations

**UL 746S Edition 1, 2025**

Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment

**UL 773A Edition 6, 2025**

Standard for Nonindustrial Photoelectric Switches for Lighting Control

**UL 779 Edition 9, 2025**

Electrically Conductive Floorings

**UL 783 Edition 6, 2025**

Standard for Electric Flashlights and Lanterns for Use in Hazardous (Classified) Locations

**UL 810 Edition 6, 2025**

Standard for Capacitors

**UL 823 Edition 10, 2025**

Standard for Electric Heaters For Use In Hazardous (Classified) Locations

**UL 962 Edition 5, 2025**

Household and Commercial Furnishings

**UL 979 Edition 4, 2025**

Water Treatment Appliances

**UL 1004-1 Edition 2, 2025**

Standard for Rotating Electrical Machines - General Requirements

**UL 1067 Edition 6, 2025**

Standard for Electrically Conductive Equipment and

Materials for Use in Flammable Anesthetizing

**UL 1247 Edition 6, 2025**

Standard for Diesel Engines for Driving Stationary Fire Pumps

**UL 1424 Edition 5, 2025**

Cables for Power-Limited Fire-Alarm Circuits

**UL 1431 Edition 3, 2025**

Standard for Personal Hygiene and Health Care Appliances

**UL 1449 Edition 5, 2025**

Surge Protective Devices

**UL 1450 Edition 4, 2025**

Standard for Motor-Operated Air Compressors, Vacuum Pumps, and Painting Equipment

**UL 1478A Edition 1, 2025**

Pressure Relief Valves for Sprinkler Systems

**UL 1484 Edition 5, 2025**

Standard for Residential Gas Detectors

**UL 1487 Edition 1, 2025**

Battery Containment Enclosures

**UL 1558 Edition 5, 2025**

Standard for Metal-Enclosed Low-Voltage Power Circuit Breaker Switchgear

**UL 1563 Edition 7, 2025**

Electric Spas, Equipment Assemblies, and Associated Equipment

**UL 1567 Edition 5, 2025**

Standard for Receptacles and Switches Intended for Use with Aluminum Wire

**UL 1681 Edition 4, 2025**

Standard for Wiring Device Configurations

**UL 1690 Edition 4, 2025**

Standard for Data-Processing Cable

**UL 1696 Edition 3, 2025**

Mechanical Protection Tubing (MPT) and Fittings

**UL 1709 Edition 6, 2025**

Standard for Rapid Rise Fire Tests of Protection Materials for Structural Steel

**UL 1769 Edition 5, 2025**

Standard for Cylinder Valves

**UL 1773 Edition 6, 2025**

Standard for Termination Boxes

**UL 1784 Edition 4, 2025**

Standard for Air Leakage Tests of Door Assemblies and Other Opening Protectives

**UL 1812 Edition 4, 2025**

Standard for Ducted Heat Recovery Ventilators

**UL 1951 Edition 2, 2025**

Standard for Electric Plumbing Accessories

**UL 1963 Edition 4, 2025**

Standard for Refrigerant Recovery/Recycling Equipment

**UL 2200 Edition 3, 2025**

ANSI/CAN/UL/ULC Stationary Engine Generator Assemblies

**UL 2252 Edition 1, 2025**

Adapters for use with Electric Vehicle Couplers

**UL 2417 Edition 1, 2025**

Outline of Investigation for Immersion Cooling Fluids for Use with Information and Communication Technology Equipment

**UL 2431 Edition 2, 2025**

Durability of Fire Resistive Coatings and Materials

**UL 2703 Edition 1, 2025**

Standard for Mounting Systems, Mounting Devices, Clamping/Retention Devices, and Ground Lugs for Use with Flat-Plate Photovoltaic Modules and Panels

**UL 3202 Edition 1, 2025**

Outline of Investigation for Mobile Electric Vehicle Charging

Systems Integrated with Energy Storage Systems <b>UL 3703 Edition 1, 2025</b> Solar Trackers <b>UL 4248-1 Edition 3, 2025</b> Fuseholders - Part 1: General Requirements <b>UL 8400 Edition 1, 2025</b> Virtual Reality, Augmented Reality and Mixed Reality Technology Equipment <b>UL 121303 Edition 1, 2025</b> Standard for Guide for Use of Detectors for Flammable Gases <b>UL 60079- 10-2 Edition 1, 2025</b> Standard for Explosive Atmospheres - Part 10-2: Classification of Areas - Combustible Dust Atmospheres <b>UL 60335- 2-52 Edition 1, 2025</b> Standard for Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-52: Particular requirements for oral hygiene appliances <b>UL 60947- 1 Edition 6, 2025</b> Low-Voltage Switchgear and Controlgear - Part 1: General Rules <b>UL 61010- 2-011 Edition 2, 2025</b> Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-011: Particular Requirements for Refrigerating Equipment <b>UL 61058- 2-5 Edition 1, 2025</b> Switches for Appliances - Part 2-5: Particular Requirements for Change-Over Selectors	<b>UL 62133- 1 Edition 1, 2025</b> Standard for Secondary Cells and Batteries Containing Alkaline or Other Non-Acid Electrolytes - Safety Requirements for Portable Sealed Secondary Cells, and for Batteries Made from Them, for Use in Portable Applications - Part 1: Nickel Systems <b>UL 62841- 2-11 Edition 1, 2025</b> Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-11 Particular Requirements for Hand-Held Reciprocating Saws <b>UL 62841- 2-20 Edition 1, 2025</b> Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-20 Particular Requirements for Hand-Held Band Saws <b>ULC 301 Edition 3, 2025</b> Standard for signal receiving centres configurations and operations <b>ULC 306 Edition 3, 2025</b> Standard for intrusion detection units <b>ULC 338 Edition 2, 2025</b> Vehicle theft deterrent equipment and systems: electronic immobilization system and aftermarket installation requirements <b>ULC 520 Edition 3, 2025</b> Standard for fire hydrants	<b>ULC 529 Edition 5, 2025</b> Smoke Detectors for Fire Alarm Systems <b>ULC 538 Edition 1, 2025</b> Standard for single and multiple station carbon monoxide alarms for non - residential applications <b>ULC 554 Edition 3, 2025</b> Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers <b>ULC 589 Edition 1, 2025</b> Standard for Single and Multiple Station Heat Alarms <b>ULC 743.1 Edition 1, 2025</b> Standard for Thermal Insulation - Low Pressure Applied Two Component Spray Polyurethane Foam, Part 1: Material Specification <b>ULC 770 Edition 4, 2025</b> Standard Test Method for Determination of Long-term Thermal Resistance of Closed-Cell Thermal Insulating Foams <b>ULC 801 Edition 2, 2025</b> Standard on electric utility workplace electrical safety for generation, transmission and distribution
--	--	---

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn**